

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên **:Bùi Thị Tuyết Mai**

Giảng viên hướng dẫn **:Th.S Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên :Bùi Thị Tuyết Mai

Giảng viên hướng dẫn :Th.S Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Tuyết Mai

Mã SV: 1364010060

Lớp: QT 301K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần
Điện Cơ Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.
- Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.
- Đánh giá được những ưu khuyết cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu về kế toán vốn bằng tiền phát sinh trong năm 2010 tại Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Số 734 đường Nguyễn Văn Linh – phường Niệm Nghĩa – quận Lê Chân –
thành phố Hải Phòng.

.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Rất tích cực sưu tầm, lựa chọn số liệu, tài liệu phục vụ đề tài.
- Ham học hỏi, cầu tiến bộ.
- Chịu khó thường xuyên trao đổi với giáo viên hướng dẫn.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã qui định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp được bố cục hợp lý, khoa học.
- Đã khái quát hóa lý luận về kế toán vốn bằng tiền trong các Doanh nghiệp.
- Nắm bắt được thực tế công tác kế toán của đơn vị thực tập.
- Nắm bắt và phản ánh được qui trình kế toán về vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập: Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng.
- Số liệu phù hợp với yêu cầu của đề tài.
- Đề xuất được một số biện pháp giúp đơn vị thực tập hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

Ths.Hòa Thị Thanh Hương

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi đơn vị kinh tế là một tế bào của nền kinh tế xã hội. Nền kinh tế xã hội càng phát triển thì kế toán ngày càng giữ vai trò hết sức quan trọng trong quản lý kinh doanh. Bất kỳ một cơ sở sản xuất kinh doanh nào, tài chính - vốn cũng là một vấn đề vô cùng quan trọng để doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển. Vốn được biểu hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: vốn bằng tiền, vốn bằng sức lao động, vốn bằng công nghệ kỹ thuật... Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề cho một doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ cũng như mục tiêu của mình. Mặt khác vốn bằng tiền lại là công cụ giúp nhà lãnh đạo quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh, do nó có chức năng cung cấp thông tin chuẩn xác nhất. Bởi vậy công tác kế toán vốn bằng tiền là vấn đề then chốt doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm và giải quyết sao cho hiệu quả cao nhất.

Với kiến thức đã học trong nhà trường và thực tế tìm hiểu tại đơn vị thực tập em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng”, nhằm củng cố nâng cao kiến thức và hy vọng góp một phần nhỏ bé vào việc hoàn công tác kế toán của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Khoá luận bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực tế tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng

Trong thời gian thực hiện khoá luận, em đã nhận được sự giúp đỡ của thầy cô trong khoa QTKD và đặc biệt là sự giúp đỡ chỉ bảo nhiệt tình của ThS. Hoà Thị Thanh Hương. Mặc dù đã cố gắng với hết khả năng của mình, nhưng do trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên khoá luận không tránh khỏi những sai sót. Do đó em rất mong nhận được sự đóng góp phê bình của các thầy cô giáo và các bạn sinh viên để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên: Bùi Thị Tuyết Mai

Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là bộ phận của tài sản lưu động ở hình thái tiền tệ trong quá trình vận động. Nó có tính linh hoạt cao nhất trên Bảng cân đối kế toán, đồng thời nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp tại thời điểm.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp gồm:

- Tiền mặt tại quỹ
- Các khoản tiền gửi ngân hàng
- Tiền đang chuyển

(Gồm cả nội tệ, ngoại tệ, ngân phiếu, vàng, bạc, đá quý.....)

1.1.2. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền:

+ Vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao, do vậy được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa để sản xuất kinh doanh, quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh khoản tức thời của doanh nghiệp.

+ Việc quản lý, sử dụng vốn bằng tiền là một khâu quan trọng nhất trong doanh nghiệp mà kế toán là công cụ hiệu quả nhất. Do vậy kế toán cần thu thập thường xuyên, liên tục, xử lý kiểm tra, phân tích, cung cấp thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp để kịp thời đưa ra các quyết định đúng đắn của mình.

1.1.3. Nhiệm vụ vốn bằng tiền:

+ Phản ánh kịp thời các khoản thu chi vốn bằng tiền, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.

+ Phản ánh tình hình tăng giảm, sử dụng tiền gửi ngân hàng hàng ngày, việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

+ Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

+ Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các chênh lệch vốn bằng tiền.

1.1.4. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền:

+ Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ

+ Việc sử dụng và chi tiêu tiền của doanh nghiệp phải đúng mục đích, đúng chế độ

1.1.5. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

❖ Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành để hạch toán, trừ trường hợp được phép sử dụng đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

❖ Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán. Trường hợp mua ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

Bên có TK 1112, TK 1122 được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, giá thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam đồng thời hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả nghiệp vụ sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản – giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

❖ Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho những doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị của vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán). Vàng bạc, đá quý nhận ký quỹ, ký cược theo giá nào thì xuất trả theo giá đó.

Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp

1.2.1. Nguyên tắc kế toán tiền mặt

+ Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với các khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

+ Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác, cá nhân ký quỹ, ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản - tiền của đơn vị.

+ Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao cho phép nhập xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập xuất quỹ đính kèm.

+ Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm, quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

+ Thủ quỹ chịu mọi trách nhiệm quản lý nhập xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thì kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

+ Doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế ghi sổ kế toán.

* Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

Bên có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo 1 trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

* Tiền mặt bằng ngoại tệ được hạch toán theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

+ Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Ở các doanh nghiệp có vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

* Với vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược, ký quỹ trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ thủ tục về cân đong, đo đếm số lượng, trọng lượng, giám định chất lượng và tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

1.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ:

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm:

❖ Phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, biên lai thu tiền,.... và một số chứng từ khác liên quan.

- Phiếu thu (gồm 3 liên): được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

- Phiếu chi (gồm 3 liên): được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

- Giấy đề nghị thanh toán: dùng trong các trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận thanh tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.

Tài khoản sử dụng:

❖ TK 111 “Tiền mặt” – dùng để phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi tồn quỹ của các loại tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.

+ TK 111 Bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:

- TK 1111 “Tiền mặt Việt Nam” phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ của doanh nghiệp.

- TK 1112 “Ngoại tệ” phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- TK1113 “ Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 “**Tiền mặt**”

+ **Bên nợ:** - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

+ **Bên có:** - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý xuất quỹ.

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

+ **Số dư bên nợ:** Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt

1.2.3. Phương pháp hạch toán

1.2.3.1. Các nghiệp vụ làm tăng vốn bằng tiền (nợ TK 111)

•*Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, nhập quỹ tiền mặt:*

+ Nợ TK 111: Số tiền nhập quỹ theo tổng giá thanh toán .

Có TK 511, 512: Doanh thu bán hàng

Có TK 3331: VAT đầu ra (DN tính theo phương pháp khấu trừ)

•*Phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập bằng tiền mặt nhập quỹ:*

+ Nợ TK 111: Tổng số tiền mặt nhập quỹ

Có TK 515, 711: Tổng thu nhập

Có TK 3331: VAT đầu ra (nếu có)

•*Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt:*

+ Nợ TK 111: Số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 112: Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ

•*Vay ngắn hạn, dài hạn, vay khác bằng tiền mặt (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ):*

+ Nợ TK 111: số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 311, 341..: Vay ngắn hạn, dài hạn khác

•*Thu hồi các khoản nợ phải thu về nhập quỹ*

+Nợ TK 111: Số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 131: Tăng do thu nợ người mua (kể cả tiền ứng trước choDN)

Có TK 136: Tăng do thu hồi các khoản phải thu nội bộ

Có TK 1388: Thu hồi các khoản cho vay tạm thời không tính lãi, các khoản phải thu khác.

Có TK 141: Tăng do thu hồi tạm ứng thừa nhập quỹ.

•*Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản ký quỹ, ký cược hoặc thu hồi các khoản cho vay nhập quỹ tiền mặt*

+ Nợ TK 111: Tổng số tiền thu hồi nhập quỹ

Có TK 121,128, 221, 222, 223, 228: Vốn gốc

•*Thu hồi các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn*

+ Nợ TK 111: Số tiền thu nhập quỹ tăng thêm.

Có TK 144, 244: các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn được thu hồi lại

•*Nhận các khoản ký quỹ, ký cược của các đơn vị khác bằng tiền mặt, ngoại tệ*

+ Nợ TK 111: Số tiền nhập quỹ

Có TK 3388: các khoản thu hộ, giữ hộ

Có TK 3386: Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 344: Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn bằng tiền mặt

•*Các khoản tiền thừa quỹ tiền mặt khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân:*

+ Nợ TK 111: Số tiền tăng thêm

Có TK 3381: Kiểm kê quỹ thừa so với sổ sách chưa rõ nguyên nhân

•*Nhận được vốn do được giao, nhận vốn bằng tiền mặt*

+ Nợ TK 111: Số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 411: Tăng do phát hành và bán cổ phiếu, nhận cấp phát, tặng thưởng..

•*Nhận được tiền của nhà nước thanh toán về các khoản trợ cấp, trợ giá bằng tiền mặt*

+ Nợ TK 111: Số tiền nhận được từ nhà nước

Có TK 3339: Các khoản trợ cấp, trợ giá

1.2.3.2. Các nghiệp vụ làm tăng giảm vốn bằng tiền(ghi có TK 111)

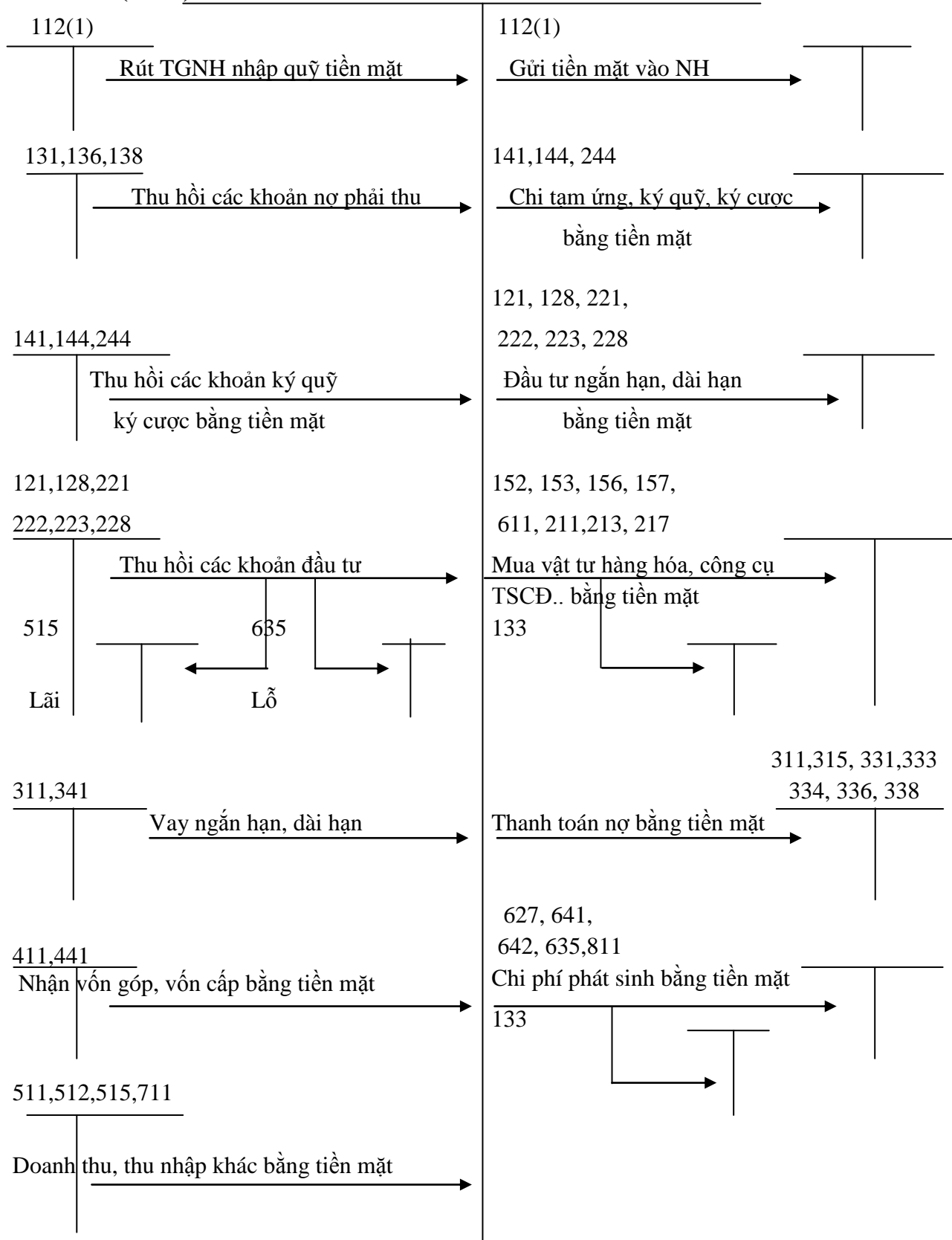
•*Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản ở ngân hàng :*

+ Nợ TK 112: Xuất quỹ tiền mặt gửi vào TK ở ngân hàng (đã nhận được giấy báo có)

Có TK 111: Số tiền thực tế xuất quỹ

- *Chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa về nhập kho.*
 - + Nợ TK 152,153,156,157.: giá mua nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa (Nợ TK 1331): VAT đầu vào
 - Có TK 111(1111): Tổng giá thanh toán
 - *Chi mua nguyên vật liệu đưa ngay vào sản xuất kinh doanh, không nhập kho:*
 - + Nợ TK 621,623, 627, 641, 642: Tổng chi chưa có VAT (Nợ TK 1331): VAT đầu vào
 - Có TK 111: Tổng giá thanh toán
 - *Xuất quỹ tiền mặt mua TSCĐ đưa ngay vào sử dụng*
 - + Nợ TK 211, 213: Giá mua TSCĐ (Nợ TK 1332): VAT đầu vào
 - Có TK 111: Tổng giá thanh toán
 - *Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán ngắn hạn, dài hạn hoặc đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh*
 - + Nợ TK 121, 221, 222, 223, 228: Vốn gốc
 - Có TK 111 : Số tiền thực tế xuất quỹ
 - *Xuất quỹ tiền mặt đem đi ký quỹ, ký cược*
 - + Nợ TK 144, 244: các khoản thế chấp, ký quỹ, ... ngắn hạn, dài hạn
 - Có TK 111: Số tiền thực tế xuất quỹ
 - *Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản nợ phải trả*
 - + Nợ TK 311, 315, 331, 333, 334, 334, 338: Các khoản nợ
 - Có TK 111: số tiền thực tế xuất quỹ
 - *Xuất quỹ tiền mặt sử dụng cho các hoạt động tài chính, hoạt động khác*
 - + Nợ TK 635: chi phí tài chính
 - Nợ TK 811: chi phí khác
 - Có TK 111: số tiền thực tế xuất quỹ
 - *Các khoản thiếu quỹ tiền mặt khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân.*
 - + Nợ TK 1381: kiểm kê quỹ thiếu so với sổ sách chưa rõ nguyên nhân
 - Có TK 111: số tiền thực tế xuất quỹ
- Từ các nghiệp vụ trên ta có sơ đồ hạch toán tiền mặt (VNĐ):*

TK 111(1111)



Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp

1.2.4.3. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ:

❖ Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ là tiền mặt trong giai đoạn sản xuất kinh doanh

• Khi mua hàng hóa, dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt là ngoại tệ:

+ Nợ TK 151,152,153,156,157, 211,213,241, 623, 627, 641, 642, 133

(Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635: Lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nợ TK 151,152,153,156,157, 211,213,241, 623, 627, 641, 642, 133

(Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Có TK 007 “Ngoại tệ các loại”

• Khi nhận vật tư hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ của nhà cung cấp hoặc vay ngắn hạn, dài hạn...

+ Nợ các TK liên quan (theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 331, 311, 341, 342, 336... (theo tỷ giá hối đoái ngày giao

dịch)

• Khi thanh toán nợ phải trả

+ Nợ TK 331, 311, 315, 336, 341, 342... tỷ giá ghi sổ

Nợ TK 635: Lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 1112: theo tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nợ TK 331, 311, 315, 336, 341, 342... tỷ giá ghi sổ

Có TK 1112: theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Có TK 007 “Ngoại tệ các loại”.

• Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ là tiền mặt:

+ Nợ TK 1112: tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH

Có TK 511, 515, 711... tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao

dịch BQLNH

Đồng thời ghi Nợ TK 007 “Ngoại tệ các loại”

• Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ

+ Nợ TK 1112: Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635: Lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 131, 136, 138 ...: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

- + Nợ TK 1112: tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch
Có TK 131, 136, 138 ...: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán
Có TK 515: Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Nợ TK 007 “Ngoại tệ các loại”

- ❖Kế toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ là tiền mặt của hoạt động đầu tư XD CB(giai đoạn trước hoạt động).
- Khi mua ngoài vật tư, dịch vụ, TSCĐ, thiết bị , khối lượng xây dựng lắp đặt do người khác bán hoặc bên nhận thầu bàn giao.*

- + Nợ TK 151,152, 211, 213, 241: tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch
Nợ TK 4132: Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

- + Nợ TK 151,152, 211, 213, 241: tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch
Có TK 1112: Theo tỷ giá ghi sổ kế toán
Có TK 4132: Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Có TK 007 “Ngoại tệ các loại”

- Khi thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ*

- + Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342: theo tỷ giá ghi sổ kế toán
Nợ TK 4132 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 1112: theo tỷ giá ghi sổ kế toán

- + Nợ TK 311, 315, 331, 336, 341, 342: theo tỷ giá ghi sổ kế toán
Có TK 1112: theo tỷ giá ghi sổ kế toán
Có TK 4132 : Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi Có TK 007 “Ngoại tệ các loại”

- ❖Hàng năm chênh lệch tỷ giá thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (giai đoạn trước khi hoạt động) được phản ánh lũy kế trên TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (TK 4132) cho đến khi hoàn thành XD CB và được hạch toán theo quy định

- ❖Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản ngoại tệ là tiền mặt khi đánh giá lại cuối năm:

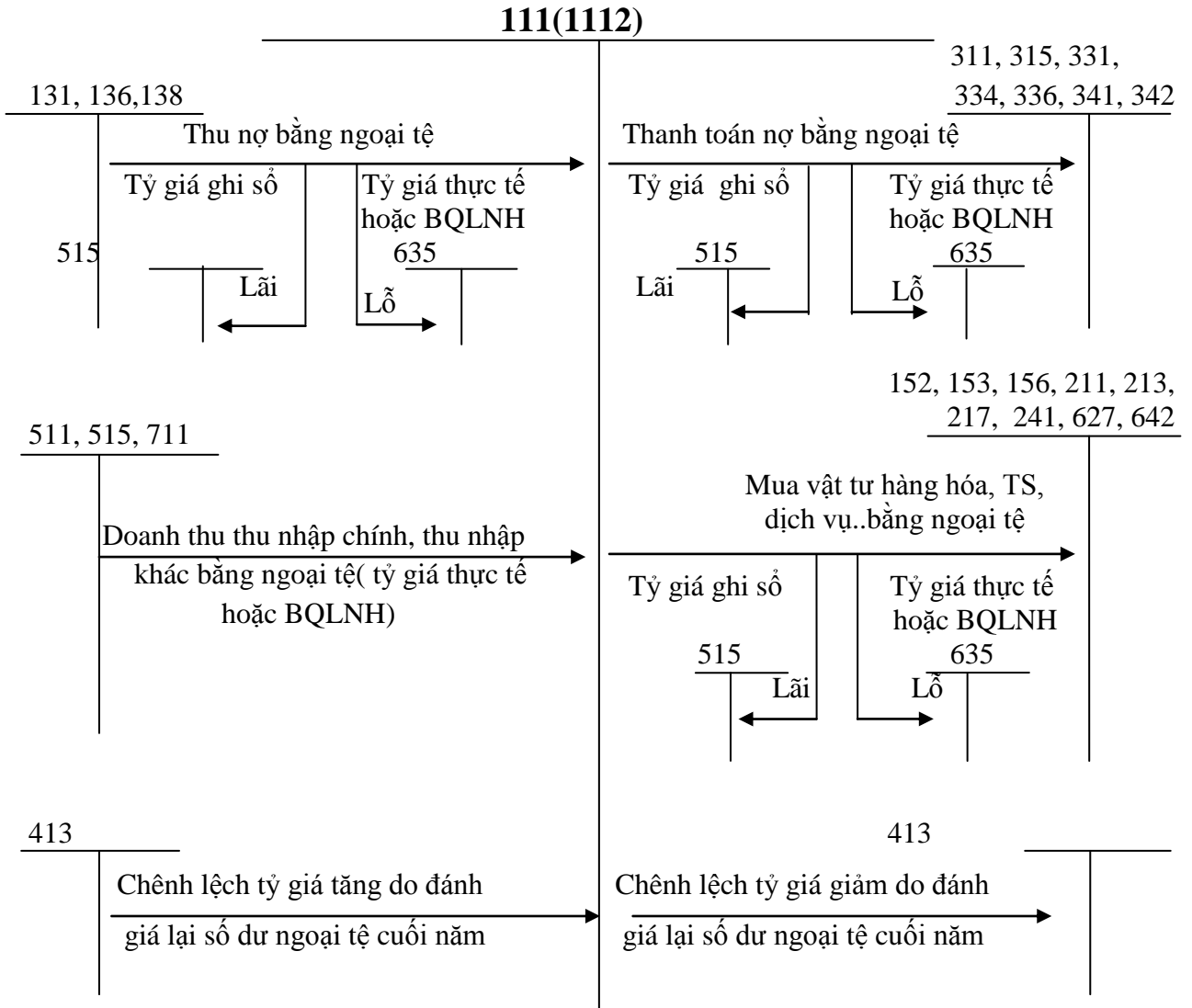
Phát sinh lãi tỷ giá cuối năm: + Nợ TK 1112

Có TK 413

Phát sinh lỗ tỷ giá cuối năm: + Nợ TK 413

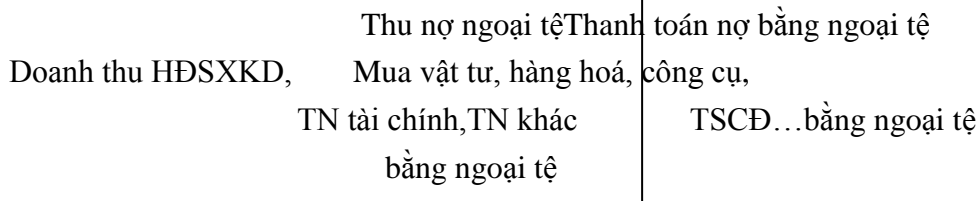
Có TK 1112

Từ các nghiệp vụ trên ta có sơ đồ hạch toán tiền mặt (tiền ngoại tệ) trong doanh nghiệp:



Đồng thời ghi TK 007

007



**Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt - ngoại tệ trong doanh nghiệp
(Giai đoạn doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh)**

1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng trong doanh nghiệp

1.3.1. Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng:

1. Căn cứ hạch toán trên tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng” là các giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản,..)

2. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bảng sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “ Phải thu khác” (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng).

Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác minh nguyên nhân và điều chỉnh số liệu ghi sổ.

3. Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại)

4. Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi ngân hàng ở từng tài khoản ở ngân hàng để tiện việc thanh toán.

5. Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá bình quân liên ngân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh.

Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua phải trả. Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ sách kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

6. Trong các giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát

sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ Tk 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá)

7. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan tới tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”(4132)

1.3.2. Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ sử dụng hạch toán tiền gửi ngân hàng bao gồm:

- + Giấy báo Nợ: là thông báo của ngân hàng ghi giảm cho tài khoản tiền gửi.
- + Giấy báo Có: là thông báo của ngân hàng ghi tăng cho tài khoản tiền gửi.
- + Bảng sao kê của ngân hàng: là thông báo của ngân hàng về tiền gửi hàng ngày tại ngân hàng của doanh nghiệp
- + Các chứng từ kèm theo (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển tiền ...)

1.3.3. Tài khoản sử dụng:

❖ Tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng” phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm các khoản tiền gửi tại ngân hàng doanh nghiệp.

TK 112 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1121 “ Tiền Việt Nam” phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam
- TK 1122 “ Ngoại tệ” phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam
- TK 1123 “ Vàng bạc, kim khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng

* Kết cấu và nội dung phản ánh TK 112:

+ **Bên nợ**:- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ

+ **Bên có** :- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ

+**Số dư bên nợ:** Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

1.3.4. Phương pháp hạch toán

1.3.4.1. Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng: (nợ TK 112)

•*Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại ngân hàng*

+Nợ TK 112
Có TK 111

•*Nhận được giấy báo có của ngân hàng về số tiền đang chuyển đã vào tài khoản của ngân hàng.*

+ Nợ TK 112
Có TK 113

•*Khách hàng trả nợ hoặc ứng trước cho doanh nghiệp bằng chuyển khoản*

+ Nợ TK 112
Có TK 131

•*Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng TGNH*

+ Nợ TK 112
Có TK 144, 244

•*Nhận vốn góp liên doanh, vốn góp cổ phần do các thành viên góp vốn chuyển đến bằng chuyển khoản*

+ Nợ TK 112
Có TK 411

•*Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn bằng chuyển khoản*

+Nợ TK 112
Có TK 334, 338

•*Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn bằng chuyển khoản*

+Nợ TK 112
Có TK 121, 128: Góp vốn
Có TK 515: Lãi
(có TK 33311)

•*Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu từ hoạt động tài chính, hoạt động khác bằng chuyển khoản*

+ Nợ TK 112
Có TK 511, 515, 711
(Có TK 3331)

•*Thu tiền lãi gửi Ngân hàng:*

+ Nợ TK 112
Có TK 515

1.3.4.2. Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng

•Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt:

+ Nợ TK 111

Có TK 112

•Chuyển TGNH đi ký quỹ, ký cược (ngắn hạn, dài hạn).

+ Nợ TK 144, 244

Có TK 112

•Chuyển TGNH đi đầu tư tài chính ngắn hạn

+ Nợ TK 121, 128

Có TK 112

•Trả tiền mua vật tư, công cụ, hàng hóa về dùng vào hoạt động SXKD hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bằng TGNH.

+ Nợ TK 152, 153, 156, 157...

(Nợ TK 1331)

Có TK 112

•Trả tiền mua TSCĐ, bất động sản đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ.

+ Nợ TK 211, 213, 217, 221, 222, 228, 241...

(Nợ TK 1332)

Có TK 112

•Thanh toán các khoản nợ phải trả bằng chuyển khoản:

+ Nợ TK 311, 315, 331, 333, 336, 338, 341, 342

Có TK 112

•Trả vốn góp hoặc trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp ... bằng TGNH

+ Nợ TK 411, 421, 414, 415, 418...

Có TK 112

•Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại cho người mua bằng chuyển khoản:

+ Nợ TK 521, 531, 532

Nợ TK 33311

Có TK 112

•Chi bằng TGNH liên quan đến các chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác

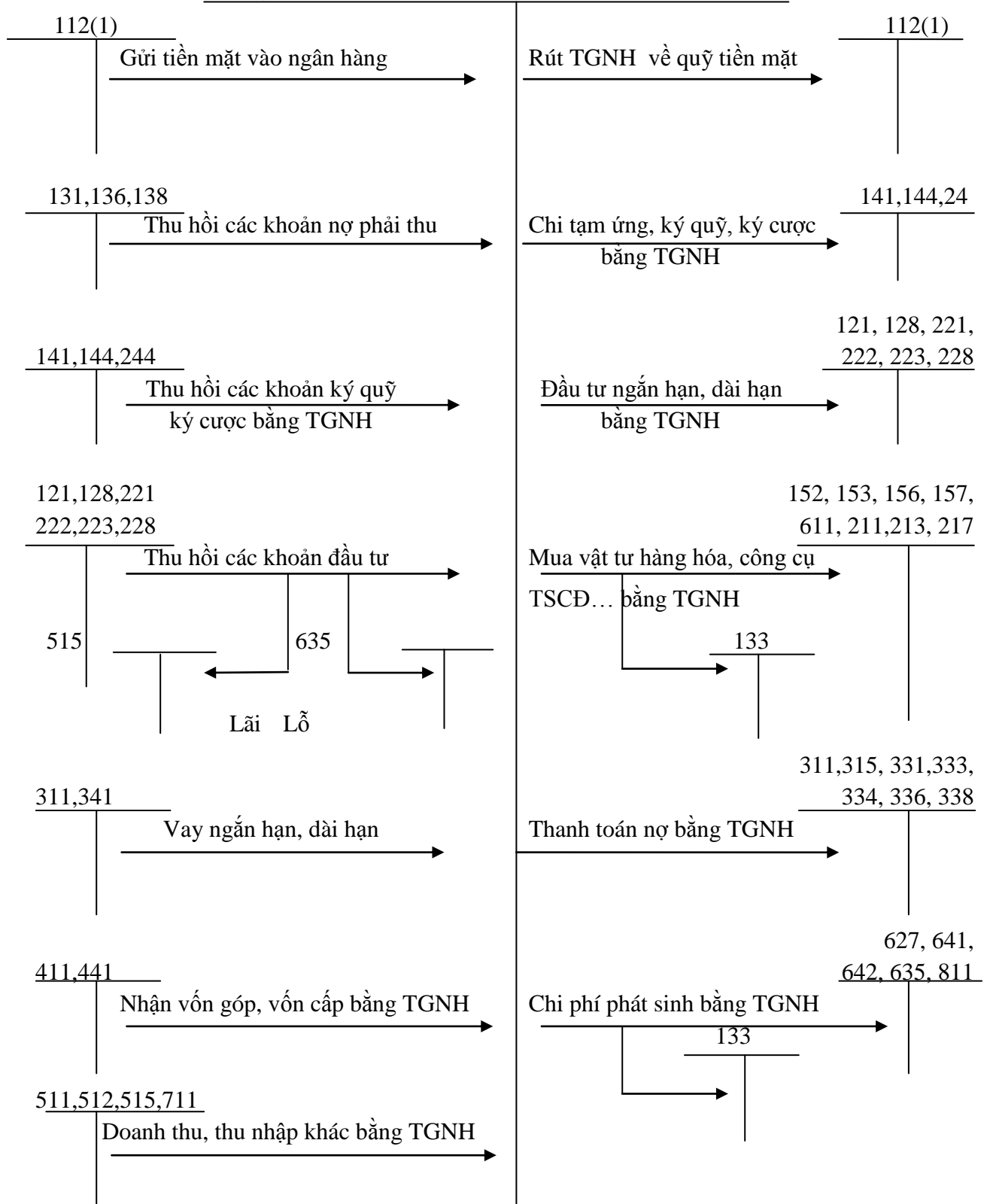
+ Nợ TK 623, 627, 642, 635, 811

Nợ TK 1331

Có TK 112

Từ các nghiệp vụ trên ta có sơ đồ hạch toán tiền gửi ngân hàng (VNĐ):

TK 112(1121)



Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng (VNĐ)

1.3.4.3. Các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ

❖ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư XDCB của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

• *Khi mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ.. thanh toán bằng TGNH ngoại tệ:*

+ Nợ TK 151, 152, 156, 211, 214,...(theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Nợ TK 635: Lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 1122: theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi Có TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 151, 152, 156, 213, 241,...(theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 1122: theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi bên Có TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

- Thanh toán nợ phải trả

+ Nợ TK 311,315, 331, 336, 341, 342,...: tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635: Lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 1122: tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 311,315, 331, 336, 341, 342,...: tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 1122: tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi bên Có TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

• *Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ:*

+ Nợ TK 1122: tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH

Có TK 511, 515, 711....: tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007 “ Ngoại tệ các loại”

• *Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:*

+ Nợ TK 1122: tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Nợ TK 635: Lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 131, 136, 138.. Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007- “ Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 112: tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Có TK 131, 136, 138,... tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Lãi tỷ giá hối đoái

Đồng thời ghi bên Nợ TK 007- “ Ngoại tệ các loại”

❖ Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động)

• Khi mua ngoài hàng hóa dịch vụ, TSCĐ, thiết bị, khối lượng xây dựng, lắp đặt do người bán hoặc bên nhận thầu bàn giao:

+ Nợ TK 151, 152, 211, 213, 241... tỷ giá hối đoái ngày giao dịch

Nợ TK 4132: Lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 11122: tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – “ Ngoại tệ các loại”

• Khi thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ.

+ Nợ TK 311, 315, 331, 333, 336, 338, 341, 342, ... tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 4132: lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 1122: tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “ Ngoại tệ các loại”

+ Nợ TK 311, 315, 331, 333, 336, 338, 341, 342, ... tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 4132: lãi tỷ giá hối đoái

Có TK 1122: tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi bên Có TK 007- “ Ngoại tệ các loại”

- Hàng năm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (giai đoạn trước hoạt động) được phản ánh lũy kế trên TK 413- “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”(4132) cho đến khi hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản và được xử lý theo quy định

❖ Kế toán đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ

• Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính

Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132, của hoạt động sản xuất kinh doanh vào TK 4131

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái

Nợ TK 1122

Có TK 413

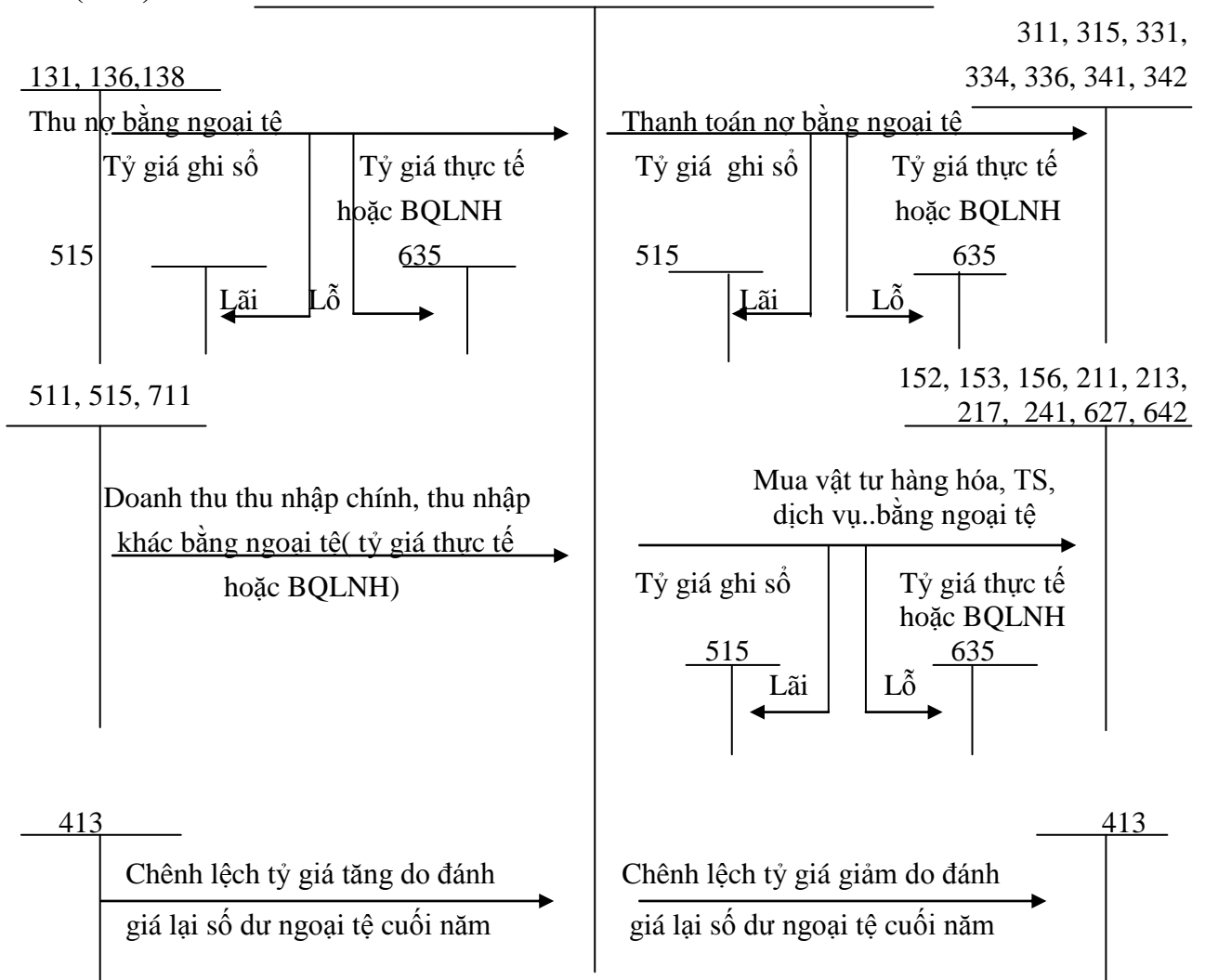
- Nếu phát sinh lỗi tỷ giá hối đoái:

Nợ TK 413

Có TK 1122

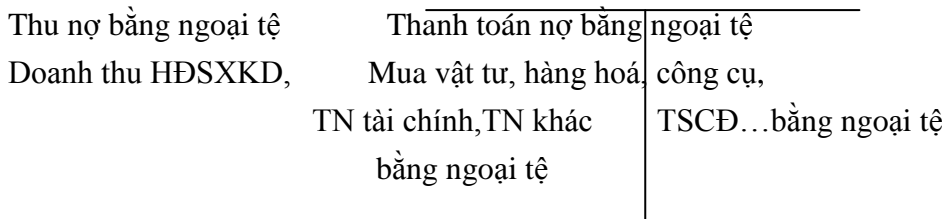
Từ các nghiệp vụ trên ta có sơ đồ hạch toán tiền gửi ngân hàng (ngoại tệ)

112(1122)



Đồng thời ghi TK 007

007



Sơ đồ 1.4.Kế toán TGNH ngoại tệ
(Giai đoạn doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh)

1.4. Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi qua bưu điện để chuyển qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy Báo có; trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy Báo nợ hay Bảng sao kê của Ngân hàng

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- + Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng
- + Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- + Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc nhà nước

1.4.1. Chứng từ sử dụng:

- + Giấy nộp tiền
- + Biên lai thu tiền
- + Phiếu chuyển tiền
- + Một số chứng từ khác liên quan

1.4.2. Tài khoản sử dụng

- + Tài khoản 113 “Tiền đang chuyển” có 2 tài khoản cấp 2
 - TK 1131-“ Tiền Việt Nam”: phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển
 - TK 1132 -“Ngoại tệ”: phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113

+ Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ

+ Bên có:

- Số kết chuyển vào TK 112 – “ Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

+ **Số dư bên nợ:** Khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ.

1.4.3 Phương pháp hạch toán:

1.4.3.1. Các nghiệp vụ làm tăng tiền đang chuyển.

•*Thu tiền bán hàng, tiền nợ của khách hàng hoặc các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng (không qua quỹ) nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng:*

+ Nợ TK 113

Có TK 131, 331, 511, 512, 515, 711...

•*Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng*

+ Nợ TK 113

Có TK 111

•*Làm thủ tục chuyển tiền từ TK của ngân hàng cho chủ nợ nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng.*

+ Nợ TK 113

Có TK 112

•*Khách hàng chuyển tiền trước tiền mua hàng bằng séc, đơn vị đã nộp séc vào NH nhưng chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng:*

+ Nợ TK 113

Có TK 131

•*Cuối niên độ kế toán đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113, phát sinh chênh lệch tỷ giá tăng.*

+ Nợ TK 113

Có TK 413

1.4.3.2. Các nghiệp vụ làm giảm tiền đang chuyển:

•*Ngân hàng báo có các khoản tiền đang chuyển đã chuyển vào tài khoản tiền gửi của đơn vị*

+ Nợ TK 112

Có TK 113

•*Ngân hàng báo nợ các khoản tiền đang chuyển đã chuyển cho người bán, cung cấp dịch vụ*

+ Nợ TK 331

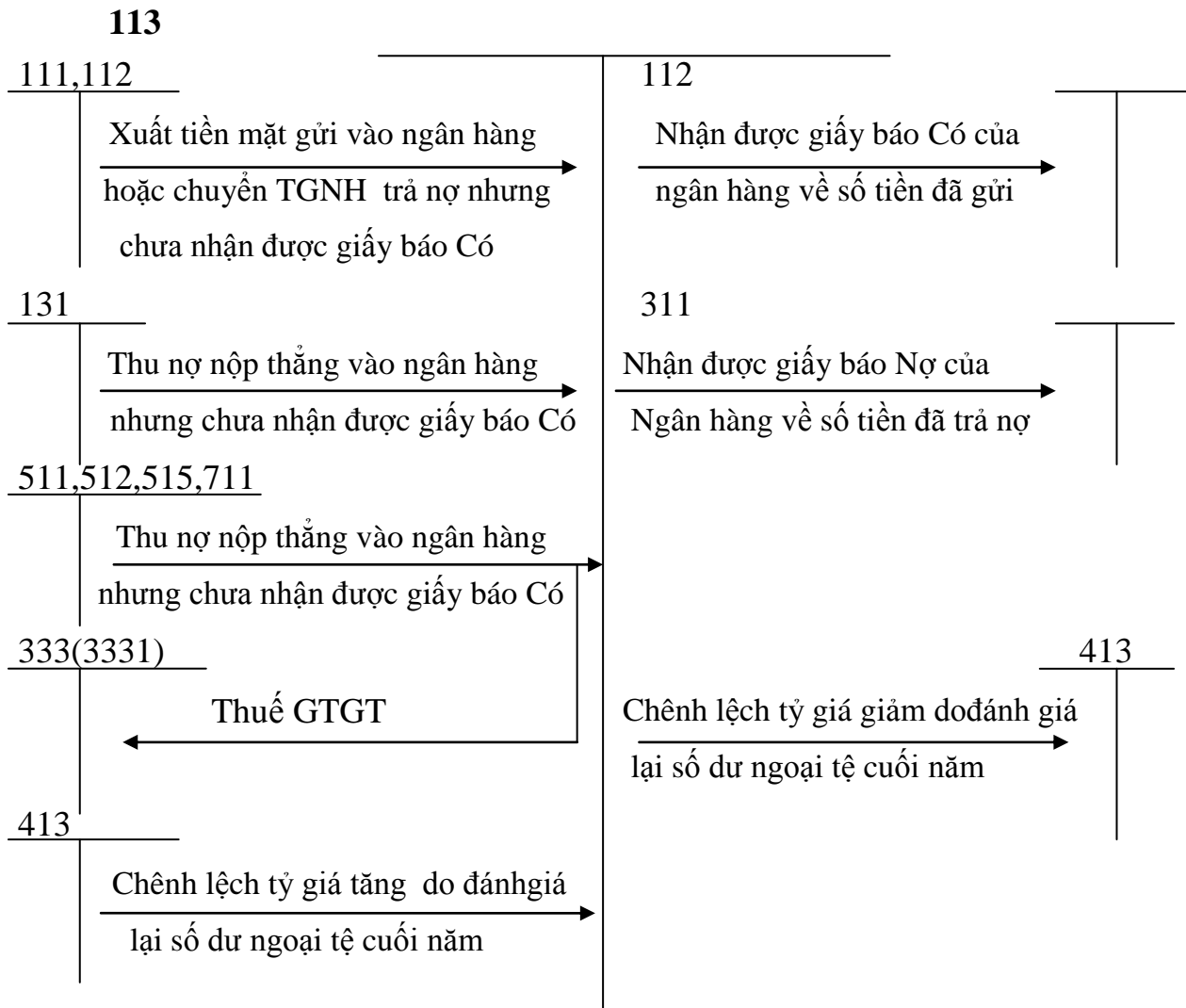
Có TK 113

•*Cuối niên độ kế toán đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113, phát sinh chênh lệch tỷ giá giảm*

+ Nợ TK 413

Có TK 113

Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên ta hạch toán tiền đang chuyển vào sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp

1.5. Các hình thức sổ kế toán trong doanh nghiệp

Hệ thống sổ kế toán bao gồm nhiều loại sổ khác nhau trong đó có những loại được mở theo quy định chung của Nhà nước và những loại sổ mở theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

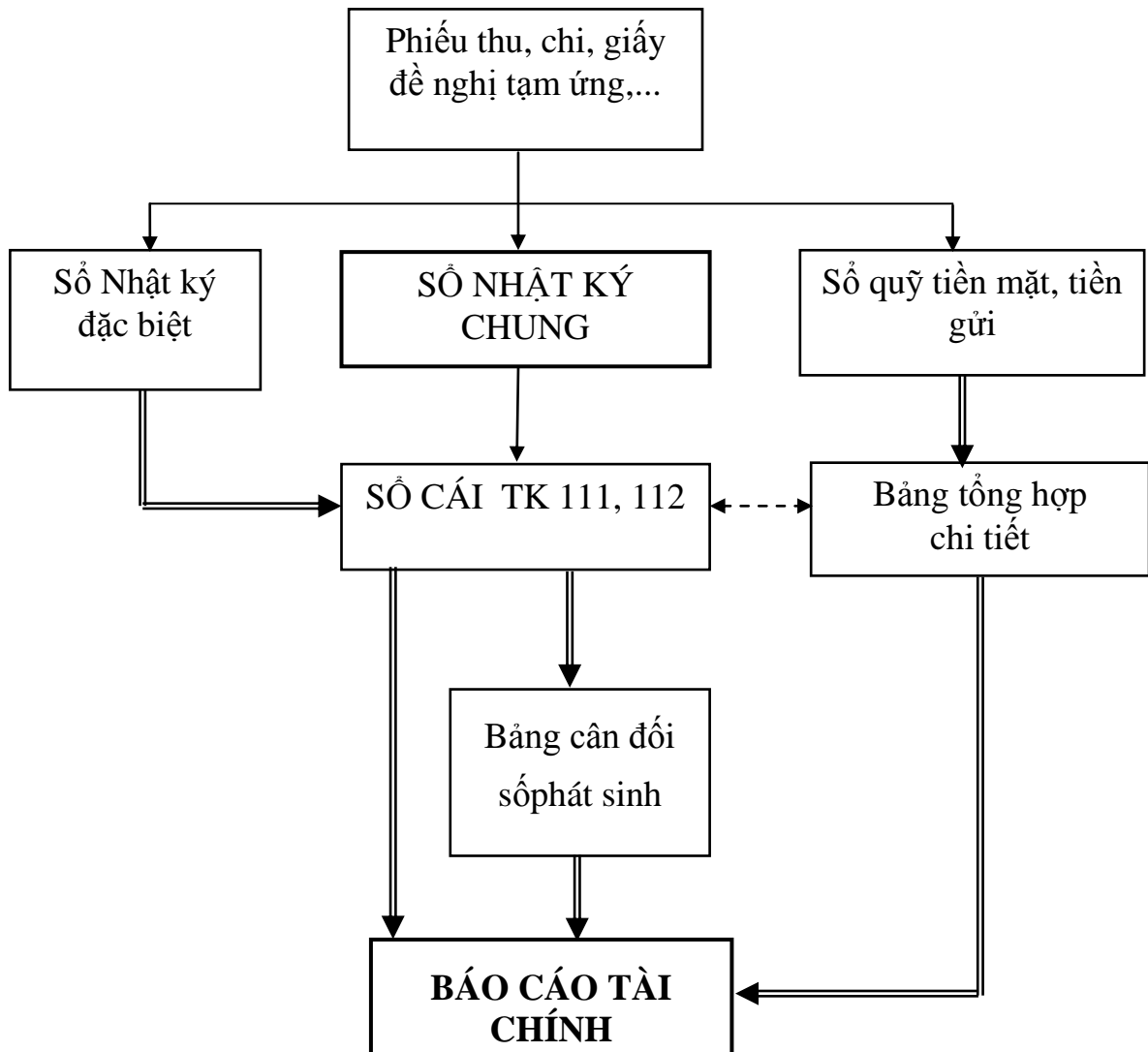
Doanh nghiệp áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức Nhật ký - Sổ cái
- Kế toán máy

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn hình thức ghi sổ khác nhau.

Dưới đây là trình tự ghi sổ kế toán của các hình thức ghi sổ:

❖ *Hình thức nhật ký chung:*

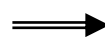


Ghi chú:

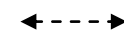
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

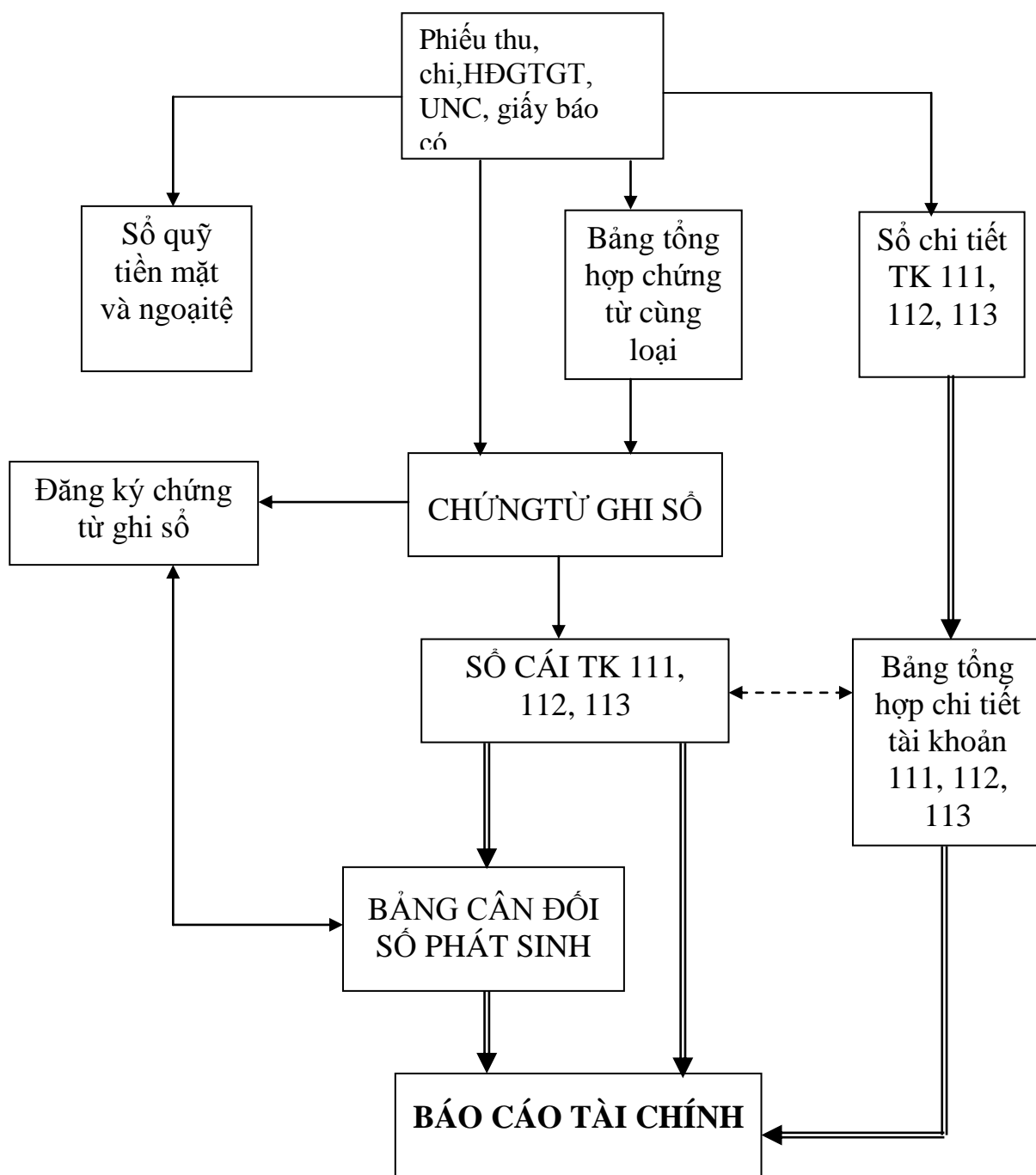


Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 1.6. Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký chung

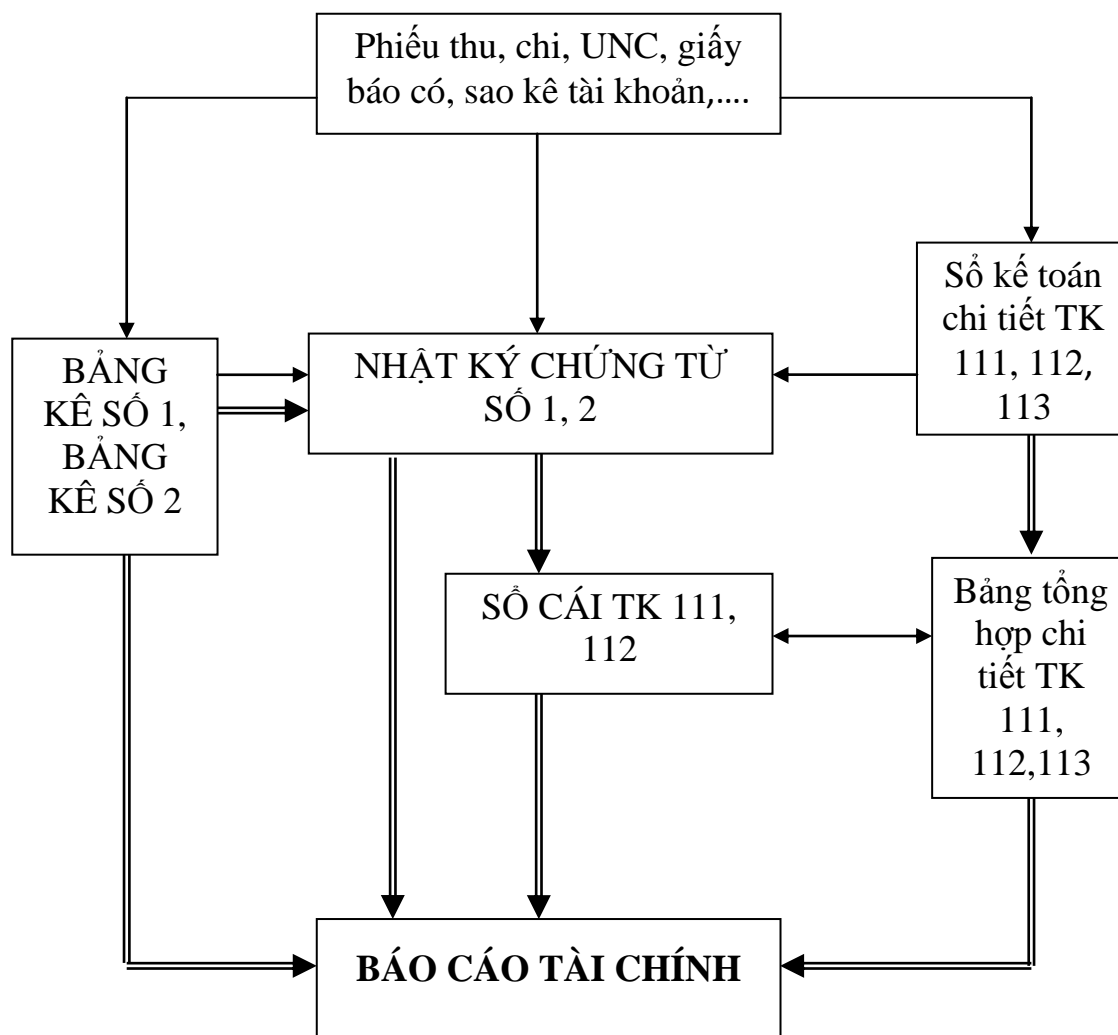
❖ Hình thức chứng từ ghi sổ:



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi cuối tháng ==>
Đôi chiếu, kiểm tra <- - - ->

Sơ đồ 1.7. Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức chứng từ ghi sổ

❖ Hình thức nhật ký chứng từ:

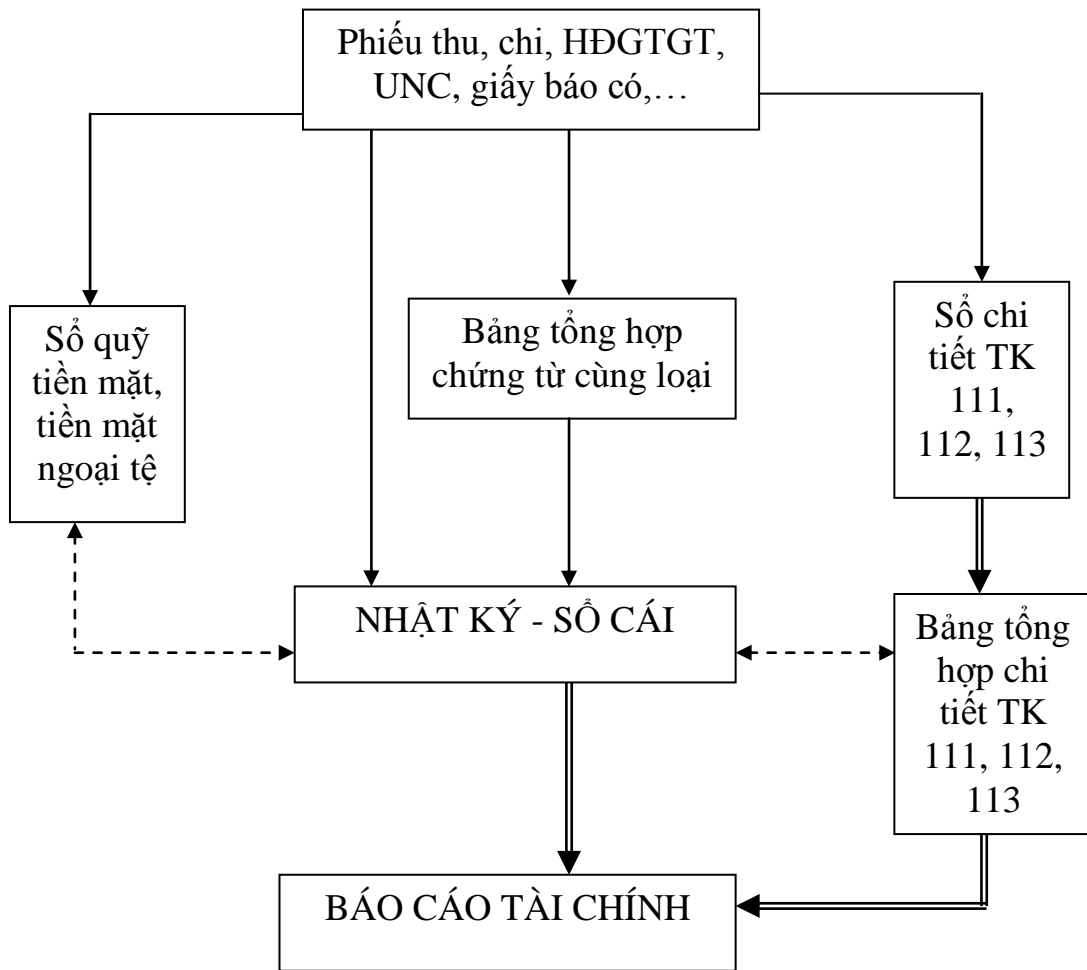


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.8. Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký chứng từ

❖ *Hình thức nhật ký sổ cái:*



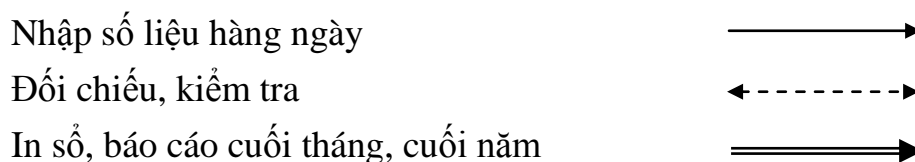
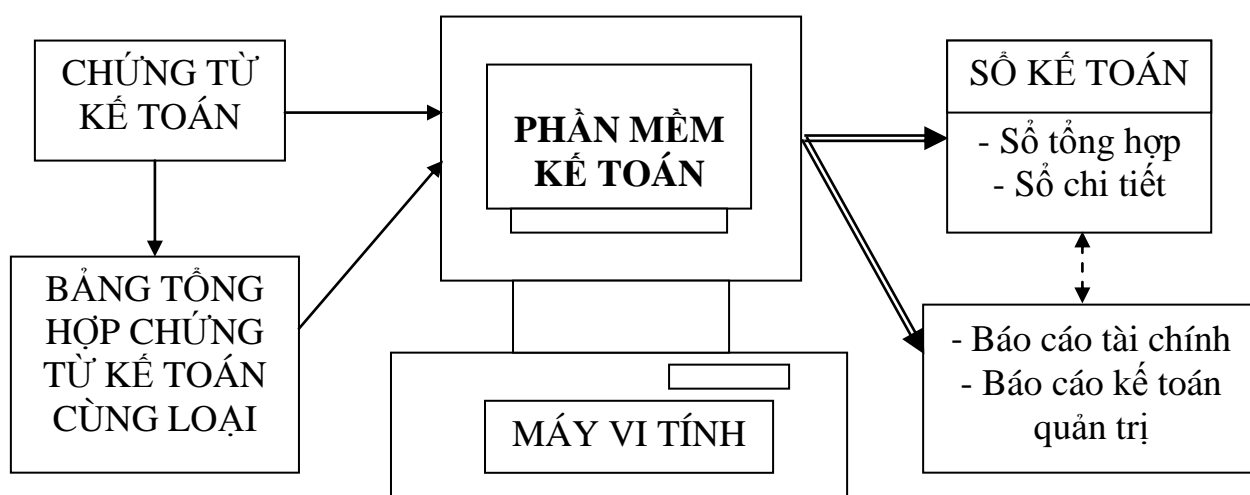
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1. 9. Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký sổ cái

❖ *Hình thức Kế toán máy*

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

Chương 2: THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

2.1. Tổng quan về công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

2.1.1.1 Giai đoạn năm 1961-1985

Những năm đầu của thập niên 60 của thế kỷ XX, khi miền Bắc bước vào giai đoạn cải tạo Tư bản tư doanh, chủ trương của Đảng ta lúc này là thành lập một loạt các nhà máy để sản xuất ra tư liệu sản xuất phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Trong tình hình đó **Xí nghiệp Hải Phòng Điện Khí** được phép thành lập theo Quyết định số 169/QĐ-TCCQ ngày 16/03/1961 của UBND thành phố Hải Phòng. Xí nghiệp được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 cơ sở tư doanh nhỏ trong nội thành Hải Phòng là: Xưởng Công Tư hợp doanh Khuy Trai, xưởng loa truyền thanh và Xí nghiệp 19-8. Đây là thời kỳ Xí nghiệp hoạt động mang tính kế hoạch hóa tập trung, thực hiện nhiệm vụ theo các chỉ tiêu của thành phố giao.

Về kết cấu sản phẩm chủ yếu của Xí nghiệp thời kỳ này gồm 3 sản phẩm, sản xuất, phân phối và tiêu thụ theo kế hoạch của Nhà nước là: Động cơ điện 3 pha từ 0,6 KW đến 10 KW; máy hàn điện 3 pha từ 380V – 21V; quạt điện dân dụng và công nghiệp.

Về tổ chức bộ máy quản lý mang đầy đủ đặc điểm của thời kỳ bao cấp; Đảng lãnh đạo toàn diện – Bộ Tư quyết định những vấn đề quan trọng.

Về lao động: Số lao động trung bình 219 người (lao động gián tiếp 21%, lao động trực tiếp 79 %), trình độ lao động thấp, chủ yếu là lao động phổ thông.

Từ năm 1984 Xí nghiệp đổi tên thành Xí nghiệp Điện Cơ Hải Phòng - Có thể nói đây là thời kỳ vàng son của doanh nghiệp, sản phẩm sản xuất ra đến đâu tiêu thụ hết đến đó. Trong đó, sản phẩm chủ yếu là quạt điện mang nhãn hiệu “Phong Lan”.

2.1.1.2 Giai đoạn 1986 – 2003

Từ những năm thập kỷ 80, đất nước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường, xí nghiệp gặp rất nhiều khó khăn nhất là trong khâu tiêu thụ. Nguyên nhân chủ yếu là do hàng hóa từ nước ngoài tràn vào lấn át thị trường nội địa, hàng hóa từ các tỉnh phía Nam tràn ra bán tràn lan với giá rẻ lấn át thị trường quạt điện của Xí nghiệp. Trong khi đó sản phẩm của doanh nghiệp

được sản xuất bằng công nghệ đã lạc hậu, chất lượng thấp, giá thành cao, mẫu mã không được đổi mới kịp thời để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chính vì vậy, doanh nghiệp đang đứng trước nguy cơ phải đóng cửa, công nhân phải nghỉ việc nhiều tháng.

Tháng 10/1992 UBND Thành phố ra quyết định số 1208/QĐ – UB ngày 11/10/1992 đối với việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước đối với Xí nghiệp Điện Cơ Hải Phòng. Từ đây doanh nghiệp được hoạt động một cách tự chủ, hạch toán có lãi.

Tháng 4/1998 Công ty đã ký kết với tập đoàn Mitsubaru của Nhật để sản xuất các linh kiện quạt, công nghệ sản xuất được đầu tư hiện đại như: dây chuyền hàn lồng tự động, dây chuyền phun sơn tĩnh điện.

Từ năm 1999 - 2003 sản phẩm quạt điện Phong Lan của doanh nghiệp đã được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao”. Thị trường của sản phẩm đã được mở rộng ra thị trường ngoài thành phố cũng như được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

2.1.1.3. Giai đoạn 2004 đến nay.

Đây là giai đoạn công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Trong hoàn cảnh kinh tế thị trường phát triển, hội nhập với các nước lân cận, các khu vực kinh tế. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế mới, nhất là nhu cầu về vốn.

Trong hoàn cảnh kinh tế thị trường phát triển, hội nhập với các nước lân cận, các khu vực kinh tế. Ngày 26/12/2003 Công ty Điện Cơ Hải Phòng đổi tên thành Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng theo Quyết định số 3430/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của UBND thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng số 0203000691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 13/01/2004.

Vốn Điều lệ trên giấy Đăng ký kinh doanh là **8,450 tỷ đồng**. Trong đó:

Vốn Nhà nước : **1,3 tỷ đồng**, chiếm 15%

Vốn Cổ Đông trong Công ty : 6,266 tỷ đồng, chiếm 74,20%

Vốn Cổ Đông ngoài Công ty: 884 triệu đồng, chiếm 10,80%

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của Công ty

2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh

Bước sang nền kinh tế thị trường đòi hỏi công ty phải vươn mình theo cơ chế mới. Công ty đã khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn vốn, lao động để tăng năng suất đồng thời nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật để không ngừng

mở rộng sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường. Công ty tập trung chủ yếu vào ngành nghề kinh doanh như:

- Sản xuất các loại quạt điện, linh kiện quạt, các đồ điện gia dụng khác.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư.
- Nhà hàng khách sạn, kinh doanh tour du lịch.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Bán buôn, bán lẻ các loại sắt thép, đồ điện gia dụng và đồ điện công nghiệp.

2.1.2.2. Kết quả sản xuất – kinh doanh đạt được

Tuy còn nhiều khó khăn, song Công ty CP Điện cơ Hải Phòng không ngừng ổn định và phát triển, đạt được nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Chi bộ Đảng trên 3 năm liền được Quận ủy Lê Chân công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh, công tác quân sự địa phương – an ninh trật tự luôn được đảm bảo.

Quyền lợi chính sách liên quan đến người lao động được chăm lo. Các nghĩa vụ về thuế, về chế độ BHXH, BHYT thực hiện nghiêm túc theo quy định của Nhà nước.

Những thành tích trên là sự động viên khích lệ cán bộ công nhân viên trong công ty liên tục cố gắng lao động trong năm 2010 công ty đã đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận:

Sau đây là Bảng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:

STT	Chỉ tiêu KT - XH	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	So sánh %
1	Sản lượng sản phẩm chủ yếu:				
	Quạt các loại	Cái	201.000	226.000	112%
	Lồng quạt các loại	Bộ	1.185.000	1.422.000	120%
2	Tổng doanh thu	Đồng	113 tỷ	140 tỷ	123.8%
3	Nộp nhân sách	Đồng	5 tỷ	7.7 tỷ	154%
4	Thu nhập bình quân	Đồng	2.200.000	2.400.000	110%
5	Lợi nhuận	Đồng	4.6 tỷ	6 tỷ	130%

(Theo số liệu phòng Tài chính – Kế toán)

2.1.2.3. Đặc điểm về sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng là doanh nghiệp đầu tiên tại Hải Phòng sản xuất ra các loại quạt điện. Sản phẩm của doanh nghiệp phục vụ nhu cầu tiêu dùng sinh hoạt và sản xuất.

Trong quá trình phát triển, sản phẩm đã có nhiều thay đổi nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đồng thời nhờ áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật và sự cố gắng của tập thể cán bộ, công nhân viên.

Công ty không ngừng đưa ra thị trường những sản phẩm với chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã ngày càng đa dạng.

Sau đây là bảng danh mục sản phẩm:

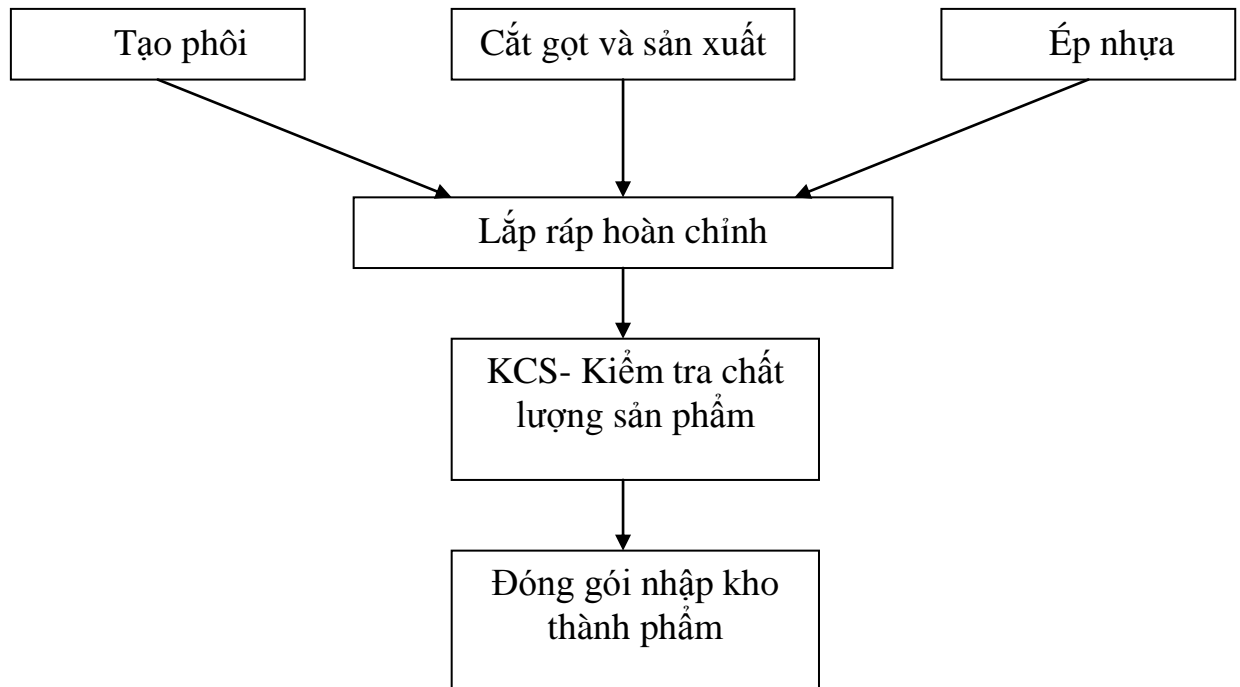
Bảng danh mục các sản phẩm quạt điện của Công ty

STT	Tên sản phẩm
1	Quạt bàn các loại :B300,B400
2	Quạt treo các loại: T400 có đèn, T400 Không đèn, T400J. Quạt treo điều khiển KDK, KDK-3MS, Quạt treo T450, Quạt treo công nghiệp.
3	Quạt rút các loại: R400D, R400-03, 400J
4	Quạt tản gió các loại: QH300,QH350.
5	Quạt đứng: Đứng 450, HD1476, Đ400E, Đ400N, đứng khiển L23-KDK.
6	Quạt trần: PL3, PL3 không hộp số.
7	Quạt hút: HT- 200,HT-250.
8	Quạt mát hơi nước.
9	Quạt sưởi bàn HSM-01
10	Quạt nóng lạnh HSM-02
11	Quạt công nghiệp: 650P,750P
12	Quạt thông gió tròn các loại: 400,450,500,550,600,650.
13	Quạt thông gió vuông
14	Quạt đảo trần

(Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của phòng kế hoạch – vật tư)

2.1.2.4. Đặc điểm quy trình sản xuất sản phẩm .

Quy trình sản xuất quạt là quy trình tổng hợp, khép kín bao gồm các bộ phận sau:



Tạo phôi

- Đột dập các chi tiết cơ khí, sản xuất các khối tôn từ.
- Quấn hạ dây động cơ quạt điện.

Cắt gọt

- Gia công cơ khí các chi tiết động cơ quạt.
- Sản xuất lồng quạt.

Ép nhựa

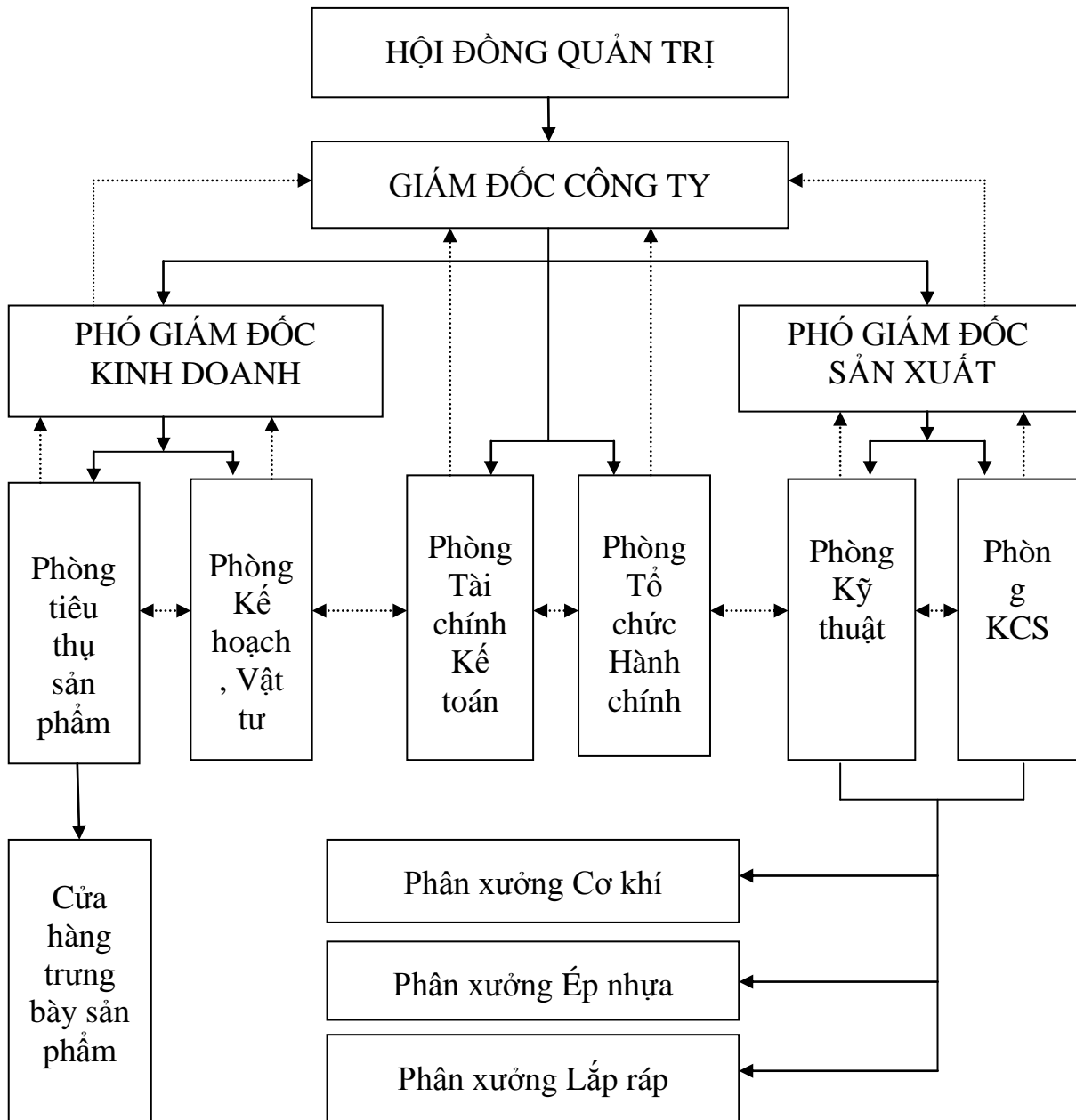
- Sản xuất các chi tiết kết cấu quạt như than, cánh, vỏ nhựa quạt.

Lắp ráp quạt : Là khâu cuối cùng trong quy trình sản xuất quạt điện

Ngoài các chi tiết sản xuất tại chỗ để lắp ráp thành quạt thì Công ty còn nhập một số chi tiết như: Bộ điều khiển, hạt nhựa ABS, Sbin ...

2.1.3. Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty duy trì bộ máy theo kiểu Trực tuyến – Tham mưu. Sau đây là sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Ghi chú: Quan hệ chỉ huy – thừa hành \longrightarrow

Quan hệ góp ý – tham mưu $\cdots\cdots\cdots\longrightarrow$

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

✓ Tổng số Cán Bộ - CNV, lao động trong Công ty: 240 người.

✓ Tổ chức bộ máy của Công ty gồm: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, 6 phòng ban và 3 phân xưởng sản xuất.

✓ Trong đó: Hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên: 175 người (có hưởng BHXH)

❖ Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:

Phòng kế hoạch – vật tư: (16 người) Cung ứng vật tư, cấp phát vật tư, quyết toán vật tư. Xây dựng kế hoạch năm, tháng và tiến độ sản xuất. Thực hiện việc xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư.

Phòng tài chính – kế toán: (4 người) Hạch toán kế toán. Quyết toán tài chính hàng năm, phân chia các quỹ.

Phòng kỹ thuật : (4 người) Công tác kỹ thuật

Phòng KCS: (10 người) Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm. Công tác bảo hành sản phẩm.

Phòng tiêu thụ sản phẩm: (19 người) Bán hàng, bán linh kiện, vật tư. Công tác thị trường, phát triển thị trường

Phòng tổ chức – hành chính: (21 người) Tham mưu Ban GD về tổ chức bộ máy quản lý. Quản lý nhân sự, đào tạo. Hành chính phục vụ bộ máy hoạt động tập trung, bảo vệ con người, tài sản trong Công ty.

Phân xưởng cơ khí : (59 người) Sản xuất các chi tiết cơ khí quạt điện. Sản xuất lồng quạt để bán hàng. Sơn tĩnh điện các chi tiết quạt và nhận sơn gia công...

Phân xưởng Nhựa: (13 người) Quản lý, khai thác hệ thống máy ép phun nhựa và khuôn mẫu các loại.

Phân xưởng lắp ráp:(39 người) Quấn, hạ động cơ quạt điện các loại. Thực hiện lắp ráp hoàn thành quạt điện, đóng gói nhập kho thành phẩm Công ty.

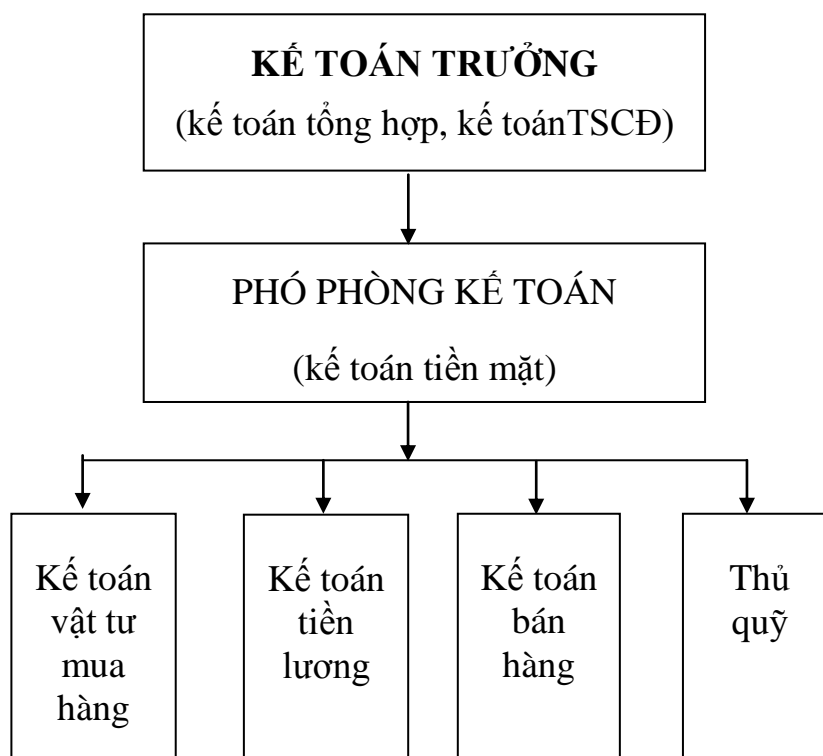
Lao động hợp đồng của Công ty: gồm 55 người

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP Điện cơ Hải Phòng

2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng được cụ thể hóa thành các phần hành cụ thể như sau :

- Kế toán tổng hợp
- Kế toán bán hàng
- Kế toán vật tư, mua hàng.
- Kế toán vốn bằng tiền
- Kế toán tiền lương
- Kế toán tài sản cố định

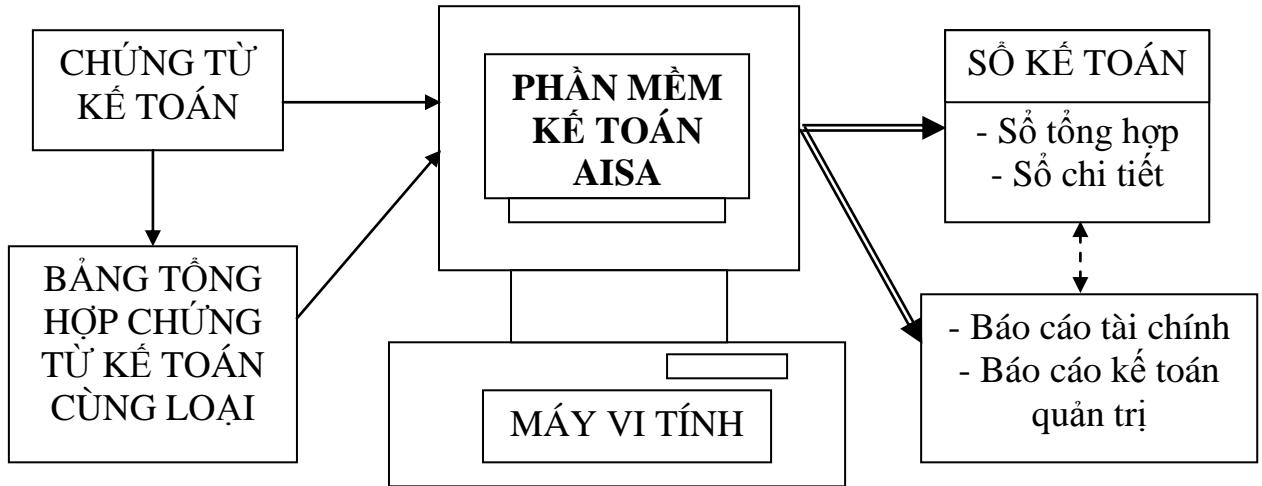


Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán

❖ Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán :

- *Kế toán trưởng*: Có nhiệm vụ hướng dẫn chế độ, thể lệ tài chính cho từng nhân viên trong phòng Tài chính – kế toán. Đồng thời theo dõi, hạch toán kế toán TSCĐ
- *Phó phòng kế toán*: phụ trách kế toán tiền mặt, thực hiện quyết toán thuế với nhà nước, các giao dịch với ngân hàng, các vấn đề liên quan đến nhập khẩu hàng.
- *Kế toán vật tư*: phụ trách tình hình nhập kho, xuất kho, tồn kho, tình hình sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thực hiện báo cáo kịp thời.
- *Kế toán bán hàng*: theo dõi tình hình bán hàng hóa, thành phẩm, bán thành phẩm, đồng thời theo dõi công nợ phải thu của khách hàng trên tài khoản 131.
- *Kế toán tiền lương*: Thực hiện kế toán tiền lương, quản lý quỹ lương , quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, thực hiện chi trả lương thưởng cho nhân viên, lao động trong Công ty.
- *Thủ quỹ*: Cùng với kế toán vốn bằng tiền quản lý việc thu, chi tiền mặt trong doanh nghiệp, kiểm kê báo cáo quỹ hàng ngày.

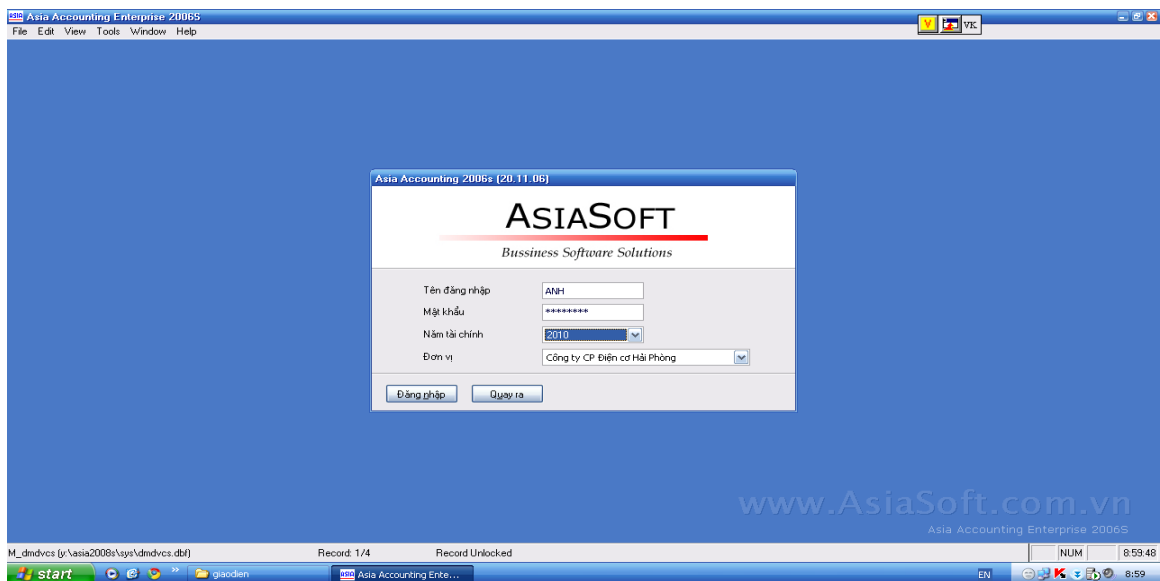
Hình thức Kế toán máy: Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú

- Nhập số liệu hàng ngày —————→
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm =====>

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán máy tại công ty CP Điện cơ HP



Sơ đồ 2.4. Giao diện phần mềm kế toán ASIA

❖ **Các chính sách áp dụng tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng**

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Niên độ kế toán (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12)
- Kỳ kế toán quy định là 1 quý
- Đơn vị sử dụng tiền tệ trong kế toán: Việt Nam Đồng
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền
- Phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng
- Công ty thực hiện kế toán thuế theo phương pháp khấu trừ

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại công ty CP Điện cơ Hải Phòng

2.2.1.1. Khái quát chung về kế toán tiền mặt tại công ty

☞ **Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty:**

Công ty CP điện cơ Hải Phòng nguyên tắc hạch toán đối với tài khoản 111 – “**Tiền mặt**”:

- Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng chỉ sử dụng tiền mặt Việt Nam Đồng.
- Tiền mặt tại quỹ của công ty nhất thiết phải được bảo quản trong trường hợp đủ điều kiện an toàn.
- Phải chấp hành đầy đủ các quy chế, chế độ quản lý lưu thông tiền tệ của Nhà nước quy định.
- Tổ chức quản lý chặt chẽ các khâu thu chi tiền mặt từ giám đốc, kế toán trưởng và đặc biệt là thủ quỹ
- Cuối ngày thủ quỹ phải chốt được các số thu chi tiền mặt và số tồn quỹ cuối ngày

Kế toán tiền mặt căn cứ vào chứng từ gốc như: giấy đề nghị tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán,... sau đó kế toán trưởng ký duyệt chứng từ thu chi tiền mặt, mỗi phiếu thu, phiếu chi được lập thành 3 liên, trong đó 1 liên thủ quỹ lưu, 1 liên đưa cho người thụ hưởng, 1 liên lưu nội bộ.

☞ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

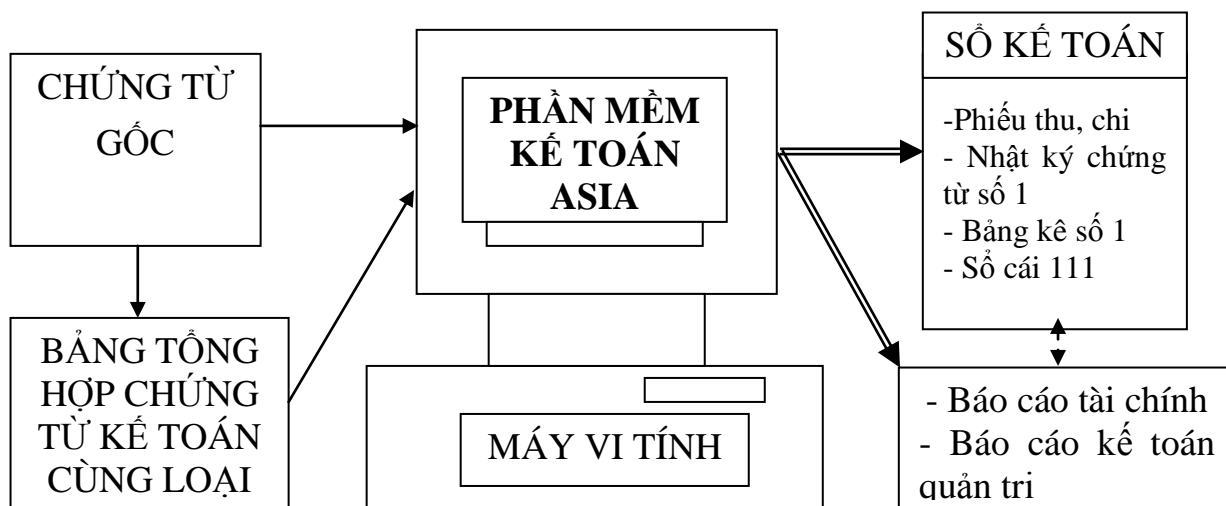
- Giấy đề nghị thanh toán
- Giấy đề nghị tạm ứng
- **Phiếu thu:** Phiếu thu bao gồm 3 liên: 1 liên lưu nội bộ, 1 liên ở phòng kế toán và 1 liên được giữ bởi người thu tiền.
- **Phiếu chi:** Phiếu chi được lập thành 3 liên (1 liên được lưu ở phòng kế toán, 1 do người lập phiếu giữ, 1 liên lưu nội bộ).

☞ **Sổ sách kế toán sử dụng:** Nhật ký chứng từ số 1- Bảng kê số 1 - Sổ cái TK 111 - Sổ quỹ tiền mặt – Sổ chi tiết tiền mặt

☞ **Tài khoản sử dụng:**

- Công ty sử dụng TK111 phản ánh tình hình Thu – Chi – Tồn quỹ tiền mặt.
- TK 111 có 3 TK cấp 2 nhưng công ty chỉ sử dụng 1 tài khoản:
 - + TK 1111 - Tiền VN: Phản ánh tình hình Thu – Chi –Tồn quỹ tiền mặt VN tại quỹ tiền mặt
 - + Công ty không hạch toán tiền ngoại tệ tại quỹ tiền mặt

Quy trình hạch toán tiền mặt tại công ty:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.->

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán tiền mặt tại công ty

2.2.1.2. Kế toán tăng tiền mặt Việt Nam Đồng tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng

❖ Để hiểu rõ về nghiệp vụ làm tăng tiền mặt tại công ty CP Điện cơ HP ta nghiên cứu các ví dụ sau:

Ví dụ 1: Ngày 02 tháng 12, Công ty thu tiền bán quạt bằng tiền mặt với số tiền 902.000 đồng. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 024546:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 025446

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01																	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GTKT3/001																	
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: QH2010B																	
Ngày 02 tháng 12 năm 2010		024546																	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.....																			
Địa chỉ: 734 Nguyễn Văn Linh – Niệm Nghĩa – Lê Chân – Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:.....																			
Điện thoại:..... MS <table border="1"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td><td>8</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	5	8	0	1	1	8				
0	2	0	0	5	8	0	1	1	8										
Họ tên người mua hàng:...Anh Biền.....																			
Tên đơn vị:																			
Địa chỉ:Kiến An - Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: TM MS: <table border="1"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																			
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Quạt treo 400 đèn	Cái	4	205.000	820.000														
Cộng tiền hàng:					820.000														
Thuế suất GTGT:10%..... Tiền thuế GTGT:					82.000														
Tổng cộng tiền thanh toán:					902.000														
Số tiền viết bằng chữ: chín trăm linh hai nghìn đồng																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																			

Sơ đồ 2.6 Hóa đơn GTGT số 024546

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng hàng, nhân viên sẽ nhập số liệu vào máy vi tính.

Quy trình của phần mềm kế toán ASIA:

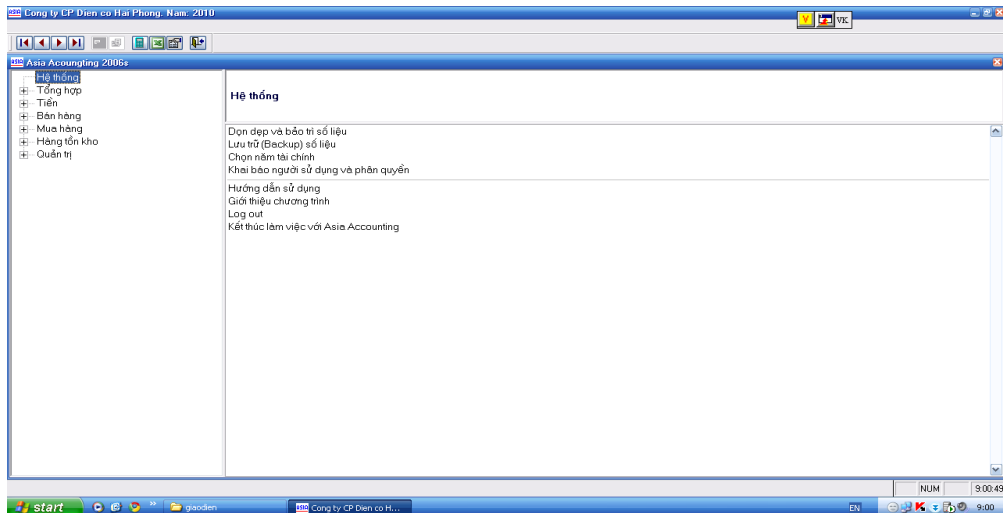
- Khởi động phần mềm kế toán bằng cách kích chuột vào biểu tượng ASIA 2010



trên màn hình desktop của máy tính. Sau khi nhập mật khẩu

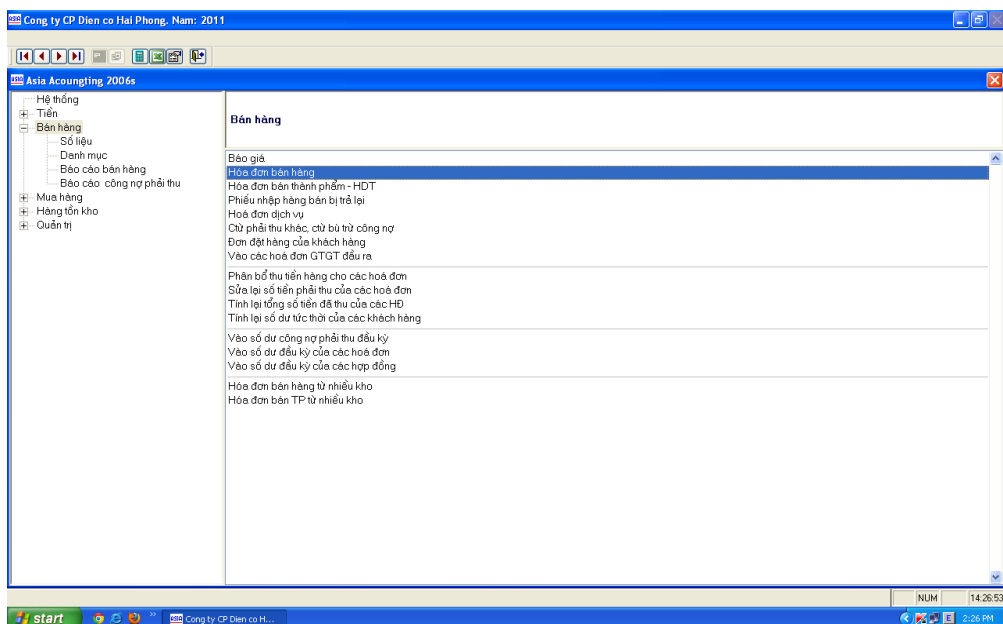


nhấn đăng nhập để vào giao diện chính của phần mềm:

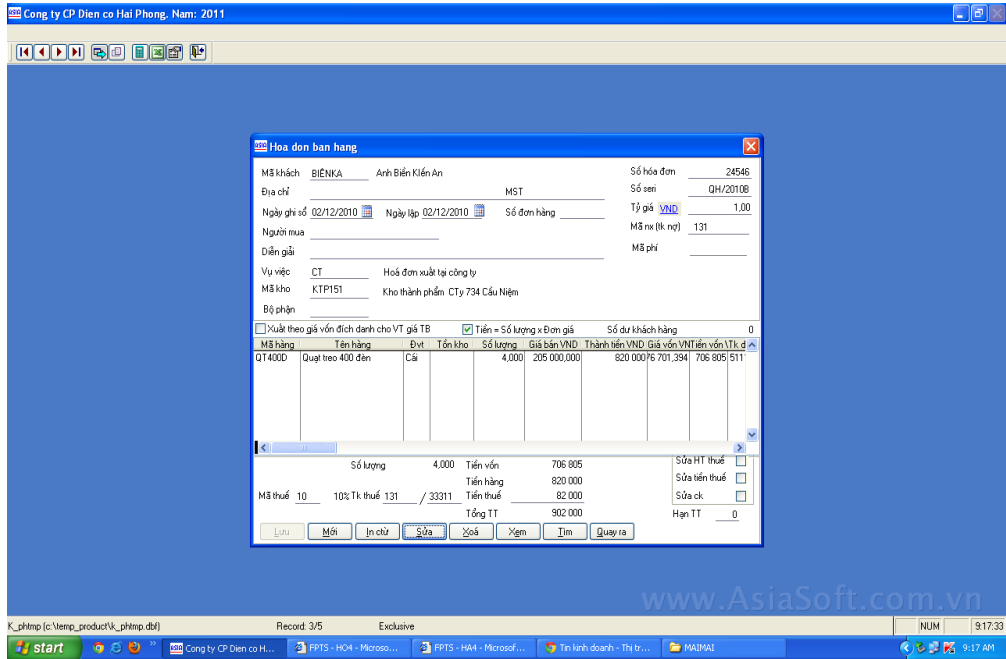


Sơ đồ 2.7. Màn hình menu

Tại màn hình giao diện chính, vào phân hệ **Bán hàng** sẽ xuất hiện các chứng từ liên quan đến phân hành bán hàng. Kế toán chọn mục **Số liệu/Hóa đơn Bán hàng**, ấn **Mới** để tạo một chứng từ mới. Sau khi điền đầy đủ thông tin ấn **Lưu**.

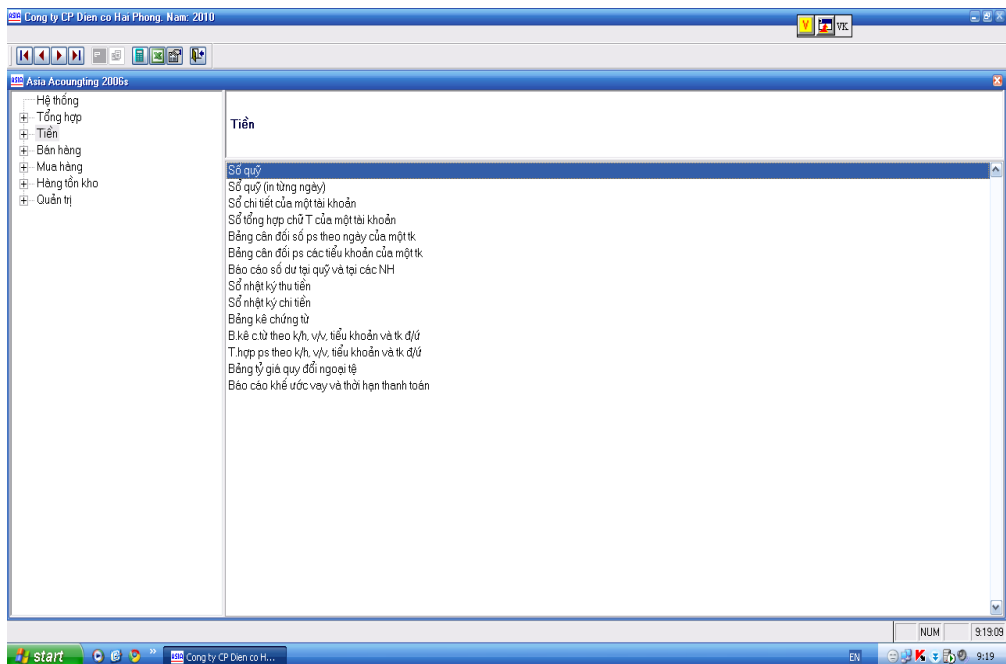


Sơ đồ 2.8. Phân hệ bán hàng

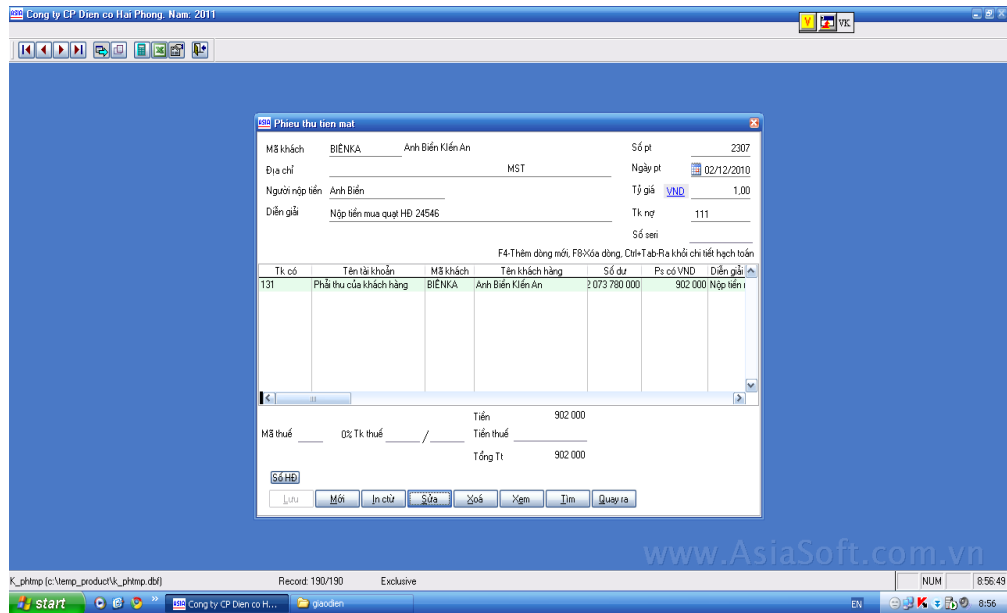


Sơ đồ 2.9. Giao diện hóa đơn số 24546

Căn cứ vào hóa đơn số 024546 ta lập phiếu thu. Nhấn phím **Esc** để thoát ra khỏi mục **hóa đơn bán hàng**. Phần mềm quay trở lại với giao diện **hệ thống** chọn phân hệ **tiền/số liệu/phiếu thu**. Màn hình hiện lên yêu cầu chọn thời gian làm việc chọn ngày **02/12/2010** đến ngày **02/12/2010**. Lọc giữ liệu chọn số hóa đơn 024546. Màn hình sẽ xuất hiện phiếu thu tiền mặt số 2307. Sau đó kế toán vào mục **Mới** nhập số liệu, nhập xong ấn **Lưu**



Sơ đồ 2.10. Giao diện phân hệ Tiền



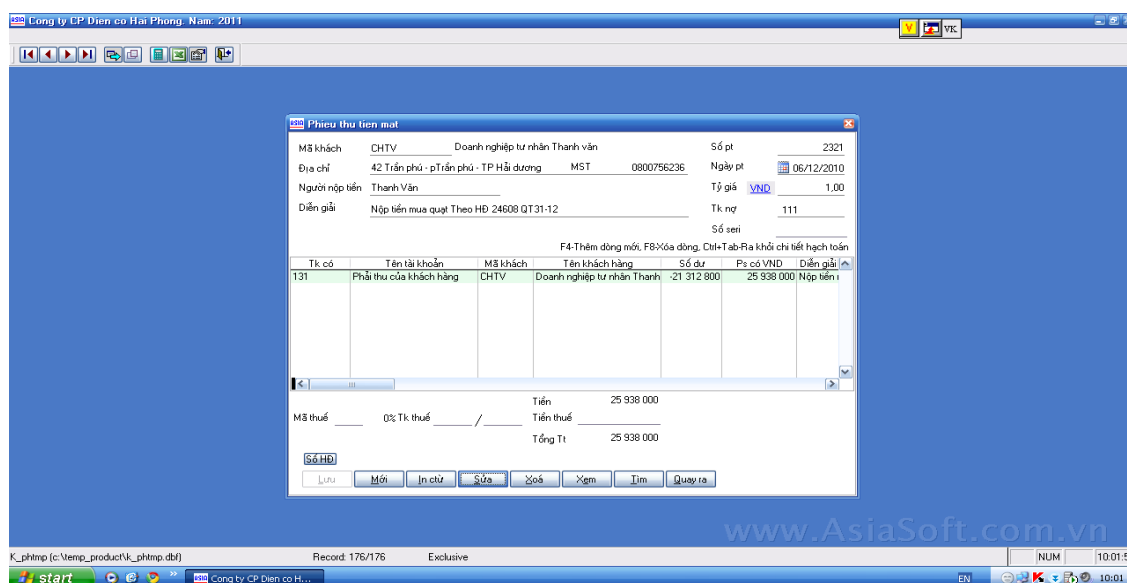
Sơ đồ 2.11. Phiếu thu số 2307

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG				Số :2307	
734 Nguyễn Văn Linh, Niệm Nghĩa, Lê Chân, HP					
PHIẾU THU					
Ngày 02 tháng 12 năm 2010				Nợ: 111	
				Có: 131	
Họ và tên người nộp tiền: anh Biên					
Địa chỉ: Kiến An					
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng HĐ24546					
Số tiền: 902.000					
Viết bằng chữ : chín trăm linh hai nghìn đồng chẵn					
Ngày 02 tháng 12 năm 2010					
Giám đốc	Kế toán trưởng	Kế toán TT	Người nộp tiền	Thủ quỹ	
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	

Sơ đồ 2.12. Phiếu thu số 2307

Ví dụ 2: Ngày 06/12/2010, doanh nghiệp tư nhân Thanh Văn – 42 Trần Phú – Thành phố Hải Dương nộp tiền mua quạt theo HĐ 24608 QT31-12 ngày 05/12/2010, kế toán tiền mặt nhập dữ liệu và phần mềm kế toán Asia lập phiếu thu.

Tương tự các bước như vào phiếu thu số 2307. Màn hình hiện lên yêu cầu chọn thời gian làm việc chọn ngày **06/12/2010** đến ngày **06/12/2010**. Lọc giữ liệu chọn số hóa đơn. Màn hình sẽ xuất hiện phiếu thu tiền mặt số **2321**. Sau đó kế toán vào mục **Mới** nhập số liệu, nhập xong ấn **Lưu**.



Sơ đồ 2.13. Giao diện phiếu thu tiền mặt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG		Số:2321		
734 Nguyễn Văn Linh, Niệm Nghĩa, Lê Chân, HP				
PHIẾU THU				
		Ngày 06 tháng 12 năm 2010		Nợ TK 111
				Có TK 131
Họ và tên người nộp tiền: Thanh Văn				
Địa chỉ: 42 Trần Phú – Thành phố Hải Dương				
Lý do nộp: Mua hàng				
Số tiền: 25.938.000 đồng				
Viết bằng chữ : Hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng chẵn				
				Ngày 06 tháng 12 năm 2010
Giám đốc	Kế toán trưởng	Kế toán TT	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Sơ đồ 2.14. phiếu thu số 2321

Nhấn **Esc** máy tính hiển thị **kết thúc cập nhập chứng từ** nhấn **OK**, quay trở lại menu chính chọn phân hệ **tiền/bảng kê chứng từ/ bảng kê chứng từ số 1**.



Sơ đồ 2.15. Giao diện bảng kê số 1-Tiền mặt

CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ HP

Số 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

**BẢNG KÊ SỐ 1
Ghi Nợ TK 111 – Tiền mặt
Tháng 12 năm 2010**

Số dư đầu tháng: 3.048.535.201

Ngày	Ghi Nợ TK 111 – Ghi Có các TK					Cộng Nợ TK 111
	131	141	311	331	338	
02/12	902.000					902.000
03/12	12.000.000	12.000.000				24.000.000
04/12	37.606.200				3.620.070	41.226.270
...
06/12	25.938.000					25.938.000
9/12	114.214.400				6.181.878	120.396.278
10/12	80.315.000		260.000.000			340.315.000
....						
22/12	147.194.000					147.194.000
.....						
25/12	1.380.000			1.044.388		2.424.388
29/12	122.210.000					122.210.000
30/12	71.211.000					71.211.000
31/12	1.303.730.200				11.244.752	1.314.974.952
Cộng	2.992.752.500	12.000.000	260.000.000	1.044.388	29.706.140	3.295.503.028

Số dư cuối tháng: 1.914.465.477

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Sơ đồ 2.16. Trích bảng kê số 1 – tháng 12/2010

2.2.1.3 Kế toán giảm tiền mặt Việt Nam Đồng tại công ty Cổ phần điện cơ Hải Phòng

Ví dụ 1: Ngày 02/12 thanh toán tiền kinh phí cho cán bộ đi tham dự Chương trình đào tạo học tập tại Trung Quốc số tiền 20.043.000 đồng

Đơn vị : Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Địa chỉ: 734 Nguyễn văn Linh – Lê Chân – Hải Phòng

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Kính gửi:Ban giám đốc.....

Người đề nghị thanh toán:..... Võ Mạnh Hùng.....

Bộ Phận(phòng,ban):.....phòng TC -HC.....

Nội dung thanh toán:..... Chương trình đào tạo học tập tại Trung Quốc

Số tiền:..... 20.043.000 đồng

Viết bằng chữ:... Hai mươi triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn.

(Kèm theo.....chứng từ gốc)

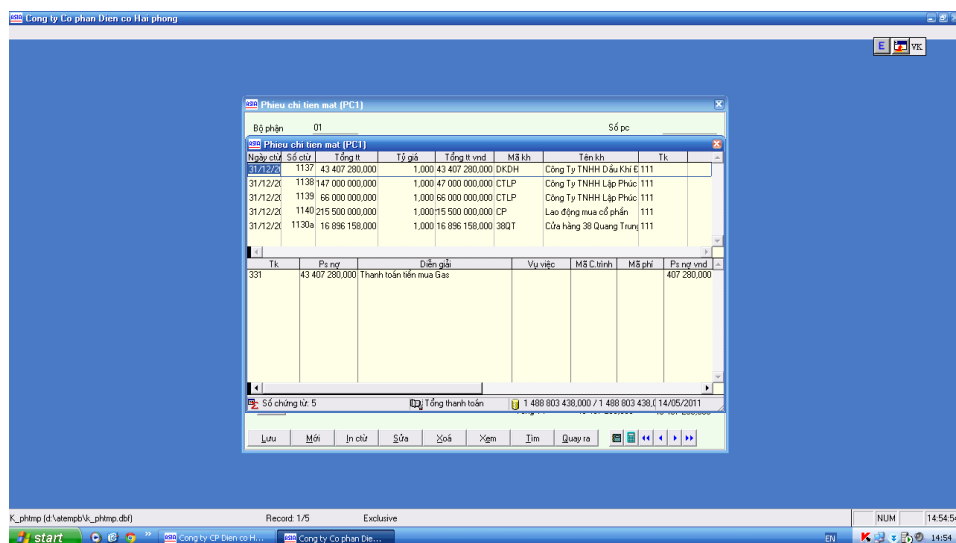
Người đề nghị thanh toán
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Người duyệt
(Ký,họ tên)

Sơ đồ 2.17. Giấy đề nghị thanh toán

Nhấn phím **Esc** để thoát ra khỏi mục bảng kê số 1. Phần mềm quay trở lại với giao diện **hệ thống** chọn phân hệ **tiền/ số liệu/phiếu chi**. Màn hình hiện lên yêu cầu chọn thời gian làm việc chọn ngày 02/12/2010 đến ngày 02/12/2010. Lọc giữ liệu chọn phiếu chi số 914. Màn hình sẽ xuất hiện phiếu chi tiền mặt số 914. Sau đó kế toán vào mục **Mới** nhập số liệu, nhập xong ấn **Lưu**



Sơ đồ 2.18. Màn hình giao diện phiếu chi

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

Mẫu số:02 - TT

Địa chỉ: 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: PC 914

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Nợ: 6428

Có: 111

Họ tên người nhận tiền:....Võ Mạnh Hùng.....

Địa chỉ:..... TC - HC.....

Lý do chi:Thanh toán tiền kinh phí cho cán bộ đi Trung Quốc.....

Số tiền:.... 20.043.000 đồng.....

(Viết bằng chữ): Hai mươi triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn.

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Kèm theo:.....Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Sơ đồ 2.19. Phiếu chi số 914

Ví dụ 2: Ngày 22/12/2010 công ty thanh toán tiền mua ống nhựa cho anh Tạ Quốc Bảo, số tiền 3.491.400 đồng theo hóa đơn số 043263 ngày 03/12/2010

Hóa đơn GTGT mua hàng:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: giao khách hàng Ngày 03 tháng 12 năm 2010					Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: DH/2010B 043263
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY VẬT LIỆU SỐ 3..... Địa chỉ: 235 Hoàng Diệu - Ngô Quyền - Hải Phòng..... Số tài khoản:..... Điện thoại:..... MS <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng Địa chỉ: 734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Ống nhựa phi 21,34	cái	300	10.580	3.174.000
Cộng tiền hàng					3174.000
Thuế suất GTGT:10%..... Tiền thuế GTGT:					317.400
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.491.400
Số tiền viết bằng chữ: ba triệu bốn trăm chín mươi một nghìn bốn trăm đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Sơ đồ 2.20. hóa đơn GTGT số 43263

Viết phiếu chi số 960:

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

Mẫu số:02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Số: PC960

Nợ 331

Có 111

Họ tên người nhận tiền:.... Tạ Quốc Bảo.....

Địa chỉ:..... Phòng vật tư.....

Lý do chi: mua ống nhựa.....

Số tiền:....3.491.400đồng...(Viết bằng chữ): ba triệu bốn trăm chín mươi một nghìn bốn trăm đồng

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kèm theo:..... Chứng từ gốc

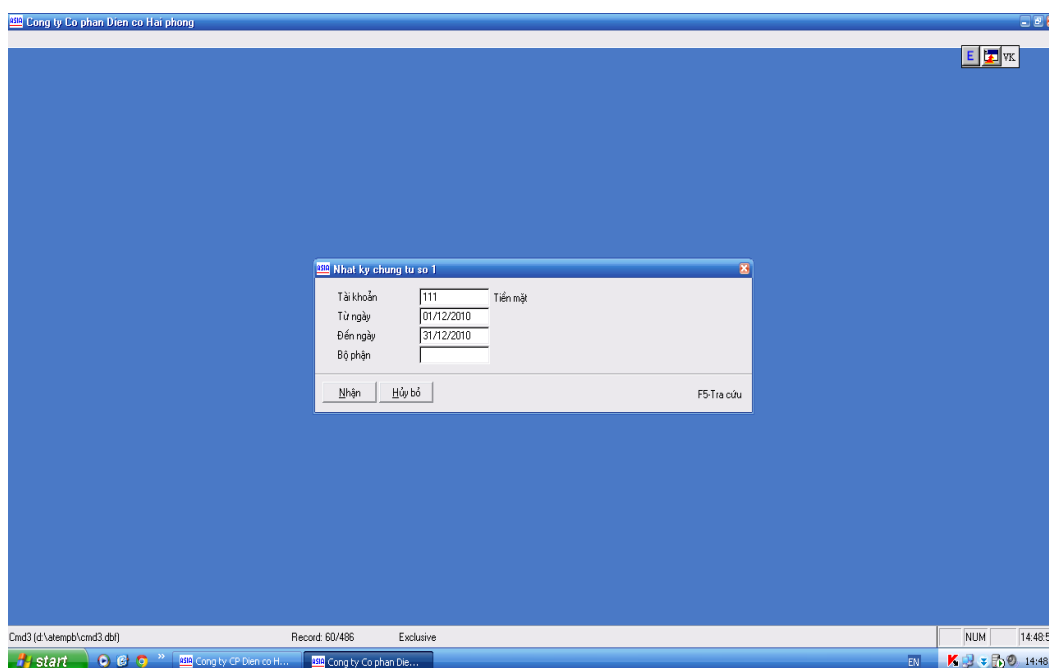
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Sơ đồ 2.21. Phiếu chi số 960

Các bước vào sổ nhật ký chứng từ: Tại màn hình giao diện chính chọn **Tổng hợp/ Sổ sách theo hình thức NKCT/ NKCT số 1.**



Sơ đồ 2.22 Giao diện nhật ký chứng từ số 1

CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

TRÍCH NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Tháng 12 năm 2010

Ngày	Ghi Có TK 111 – Ghi Nợ các TK khác											Cộng Có TK 111
	112	133	331	334	335	415	627	421	641	642	..	
02/12		275.800	293.600							20.043.000		20.612.400
03/12							219.000			5.888.100		6.107.100
....												
06/12	500.000.000	391.239	19.800.000	8.880.000		1.440.000	140.000		490.000	7.144.761		538.286.000
...												
10/12				263.984.571								263.984.571
...												
22/12		190.000	3.491.400		3.900.000				5.070.000	5.862.000		18.513.400
...		
30/12	800.000.000		17.105.000	187.213.547								1.004.318.547
31/12	280.000.000	2.572.419	57.385.398	8.510.000		1.380.000	19.628.536	1.690.000.000	161.476.389	29.856.636		2.250.809.378
Cộng	1.660.000.000	4.390.719	213.535.912	503.245.038	3.900.000	2.820.000	24.671.036	1.690.000.000	167.036.389	100.190.836		4.429.572.752

Sơ đồ 2.23. Trích Nhật ký chứng từ số 1

Đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Thao tác vào sổ quỹ tiền mặt: Tại màn hình giao diện chính chọn phân hệ **Tiền/Sổ quỹ**. Chọn điều kiện lọc **ngày/tháng/năm-SHTK (chọn từ ngày 01/12/2010 đến 31/12/2010)**. Ấn **F7** chọn **báo cáo nhanh/ excel** mở rồi ấn **lưu**

Ngày Ct	Ma_ct0	So_ct	So_lo	Org_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diem_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	So_du	Ma_vv
31/12/2010	PC	1010		Phạm Tiến Dũng	PTD	Phạm Tiến Dũng	Thanh toán tiền motor quạt công	331		6.781.452	3.829.943.657	
31/12/2010	PC	1011		Lê duy Thành	PHCK1	phần xưởng lắp ráp	Thanh toán tiền dụng cụ năm 2010	6273		10.956.900	3.818.886.757	
31/12/2010	PC	1012		TR. T. L. N. H. H.	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Thanh toán tiền lương bán hàng	6411		16.622.480	3.802.264.277	
31/12/2010	PC	1013		Trần thị lý	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Thanh toán tiền vận chuyển quặng	6413		1.154.000	3.801.110.277	
31/12/2010	PC	1014		Võ Mạnh Hùng	VMH	Võ mạnh Hùng	Thanh toán tiền bồi dưỡng Ca 3	6275		4.828.000	3.796.282.277	
31/12/2010	PC	1015		Trần ngọc Phư	PKD	Phòng tiêu thụ	Thanh toán tiền chi phí thuê gara	6412		9.090.909	3.787.191.368	
31/12/2010	PC	1015		Trần ngọc Phư	PKD	Phòng tiêu thụ	Thanh toán tiền chi phí thuê gara	1332		909.091	3.786.282.277	
31/12/2010	PC	1016		Võ mạnh Hùng	VMH	Võ mạnh Hùng	Thanh toán bổ sung tiền đọc hại	6278		810.000	3.785.472.277	
31/12/2010	PC	1017		Nguyễn Hương	HUONGTHAO	Nguyễn Hương Thảo	Thanh toán tiền vận chuyển và xi	6428		1.000.000	3.784.472.277	
31/12/2010	PC	1018		BHXH		Bảo hiểm xã hội Q. Lê C	TH Thanh toán tiền âm tháng 12	3383		5.697.800	3.778.774.477	
31/12/2010	PC	1019		VP		Chi phí chung CT	TH Chi tiền khen thưởng năm 2010	4311		12.000.000	3.766.774.477	
31/12/2010	PC	1020		Phòng tiêu thụ	DVL	Doãn Văn Luận	TH Thanh toán tiền lương theo đ	6413		132.209.000	3.634.565.477	
31/12/2010	PC	1021		VP		Chi phí chung CT	Tạm trích tiền thưởng theo HQS4	4311		30.100.000	3.604.465.477	
31/12/2010	PC	1022		CP		Lao động mua cổ phần	Tạm ứng Cổ tức Đợt II	4212		1.690.000.000	1.914.465.477	
31/12/2010							Cộng số phát sinh tháng 12		3.133.163.928	4.396.531.352		
31/12/2010							Số dư cuối tháng 12		1.914.465.477			
31/12/2010							Cộng lại kể từ đầu quý 4		3.133.163.928	4.396.531.352		

Sơ đồ 2.24. Giao diện sổ quỹ tiền mặt

Đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S07 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ QUỸ TIỀN MẶT THÁNG 12
Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010
Tài khoản : 111 – Tiền mặt

Số chứng từ			Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Tồn quỹ
Ngày	PT	PC			THU	CHI	
01/01/2010			Tồn đầu kỳ				3.048.535.201
.....							
02/12/2010	2307		Nộp tiền mua quạt HD 24546	131	902.000		3.049.437.201
02/12/2010		914	Thanh toán tiền KP cho CNV	6428		20.043.000	3.181.160.301
.....							
06/12/2010	2321		Doanh nghiệp nộp tiền mua quạt	131	25.938.000		3.250.890.071
....
22/12/2010		960	Thanh toán tiền mua ống nhựa	331		3.491.400	3.542.367.338
.....							
31/12/2010		1022	Tạm ứng cổ tức đợt II	4212		1.690.000.000	1.914.465.477
			Cộng số phát sinh		3.295.503.028	4.429.572.752	
			Số dư cuối kỳ		1.914.465.477		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

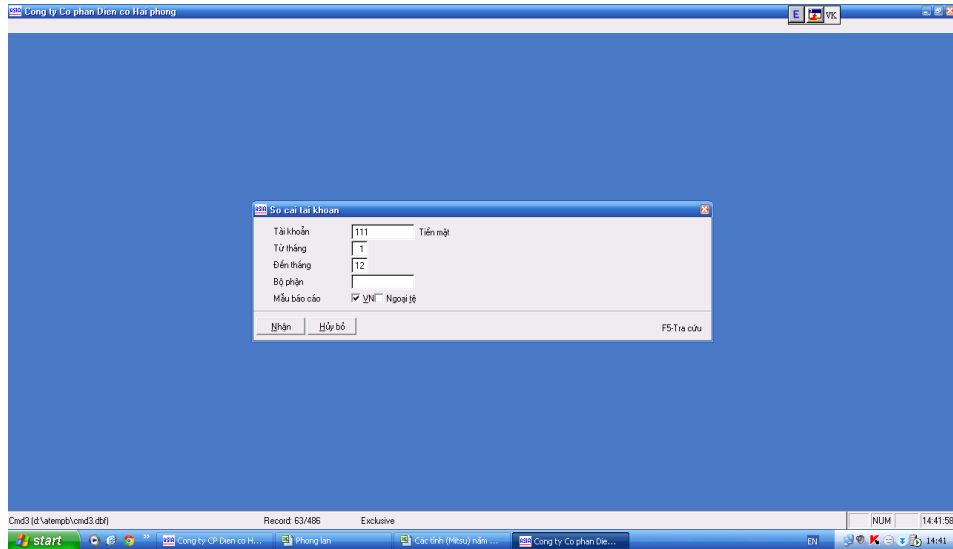
Kế toán ghi sổ

Tồn quỹ tháng trước chuyển sang: 3.048.535.201
 Nhập quỹ trong tháng 12 : 3.295.503.028
 Thực chi ra trong tháng 12: 4.429.572.752
 Tồn quỹ đến ngày 31/12/2010: 1.914.465.477

Sơ đồ 2.25. Sổ quỹ tiền mặt cân đối tháng 12/2010

Đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Muốn xem sổ cái, sổ chi tiết ấn **Esc** thoát ra khỏi **sổ quỹ tiền mặt**, nhấn nút **kết thúc cập nhập chứng từ**. Ta trở lại giao diện chính của phần mềm. chọn phân hệ **tiền/sổ cái tài khoản**. Sau đó xuất hiện điều kiện lọc chọn **TK/ thời gian** chọn nút **nhận** để vào **sổ cái hoặc sổ chi tiết**



Sơ đồ 2.26. Giao diện sổ cái TK 111- Tiền mặt

Cong ty CP Điện cơ Hải Phòng - Năm: 2010

Table

Sổ chi tiết tài khoản: Tk. 111 - F5-Sua ctv, F7-In, Esc-Quay ra

Ngày Ct	Ma_ct0	So_ct	Ma_kh	Ten_kh	Diện_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	So_du	Ma_vv	Ma_phi	Ma_spt
					Đầu đầu		3 177 832 901					
					Tổng phát sinh		3 133 163 928	4 396 531 352				
					Đầu cuối		1 914 465 477					
03/12/2010	PT	2315	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Nộp tiền hàng	131	12 000 000					
03/12/2010	PC	918	HUONGTHAO	Nguyễn Hương Thảo	Thanh toán tiền mua nước lavie	6422		350 000	3 189 462 301			
03/12/2010	PC	919	VMH	Võ mạnh Hùng	Thanh toán tiền đặt mua bảo quỹ	6422		2 257 600	3 187 225 301			
03/12/2010	PC	920	HUONGTHAO	Nguyễn Hương Thảo	Thanh toán tiền tiếp khách Thanh	6425		600 000	3 186 625 301			
03/12/2010	PC	921	HUONGTHAO	Nguyễn Hương Thảo	Thanh toán tiền mua bánh kẹo pt	6422		138 000	3 186 487 301			
03/12/2010	PC	922	HUONGTHAO	Nguyễn Hương Thảo	Thanh toán tiền phôtô tài liệu đ	6422		22 500	3 186 464 801			
03/12/2010	PC	923	ĐQH	Đoàn Quốc Huy	Thanh toán tiền về cầu phà, nư	6423		2 520 000	3 183 944 801			
03/12/2010	PC	924	NVD	Nguyễn Việt Dũng	Thanh toán tiền dụng cụ PX như	6277		219 000	3 183 725 801			
04/12/2010	PT	2316	CNCTDV	CN công ty CPTM và SX	Nộp tiền mua hàng	131	10 000 000		3 193 725 801			
04/12/2010	PT	2317	CSCTDV	ĐNTN Điện cơ Táy đồ	Nộp tiền mua hàng QT	131	5 439 000		3 199 164 801			
04/12/2010	PT	2318	BH04	Bảo hiểm xã hội Q. Lê Chi	Nộp tiền BHYT, yế TM 28.5%	043983	3 520 070		3 202 784 871			
04/12/2010	PT	2319	THIEU	Anh Thiều 126 Phạm hủ	Nộp tiền mua quai Theo HD 245	131	15 039 200		3 217 824 071			
04/12/2010	PT	2320	BIENKA	Anh Biền Kiên An	Nộp tiền mua quai Theo HD 245	131	7 128 000		3 224 952 071			
06/12/2010	PT	2321	CHTV	Doanh nghiệp tư nhân T	Nộp tiền mua quai Theo HD 246	131	25 938 000		3 250 890 071			
06/12/2010	PT	2322	CHCM	Cửa hàng của mai	Nộp tiền mua hàng	131	21 200 000		3 272 090 071			
06/12/2010	PC	925	VP	Chi phí chung CT	Nộp tiền bán hàng	11211		500 000 000	2 772 090 071			
06/12/2010	PC	926	200TH	Cửa hàng 20 ĐTH	Thanh toán tiền cước vận chuy	6413		490 000	2 771 600 071			
06/12/2010	PC	927	VMH	Võ mạnh Hùng	Thanh toán tiền lương HBQT, b	3341		8 880 000	2 762 720 071			
06/12/2010	PC	927	VMH	Võ mạnh Hùng	Thanh toán tiền lương HBQT, b	415		1 440 000	2 761 280 071			
06/12/2010	PC	928	HH	Hoàng Văn Hưng	Thanh toán tiền công tác phí v	6423		2 280 000	2 759 000 071			
06/12/2010	PC	928	HH	Hoàng Văn Hưng	Thanh toán tiền công tác phí v	6277		1 440 000	2 759 960 071			
06/12/2010	PC	929	BVC	Bùi Văn Chính	Thanh toán tiền chứng nhận hợ	6422		1 904 752	2 756 955 309			
06/12/2010	PC	929	BVC	Bùi Văn Chính	Thanh toán tiền chứng nhận hợ	1332		95 238	2 756 860 071			
06/12/2010	PC	930	MVM	Mai Văn Minh	Thanh toán tiền tiếp khách Cty Đ	6423		1 366 363	2 755 493 708			
06/12/2010	PC	930	MVM	Mai Văn Minh	Thanh toán tiền tiếp khách Cty Đ	1332		136 637	2 755 357 071			
06/12/2010	PC	931	TQB	Tạ Quốc Bảo	Thanh toán tiền mua máy d	331		19 800 000	2 735 557 071			
06/12/2010	PC	932	MVM	Mai Văn Minh	Thanh toán tiền tiếp khách Luck	6422		1 593 636	2 733 963 435			
06/12/2010	PC	932	MVM	Mai Văn Minh	Thanh toán tiền tiếp khách Luck	1332		159 364	2 733 804 071			
07/12/2010	PT	2323	ADHD	Cty cổ phần điện cơ 199	Nộp tiền mua hàng PX 813	131	27 250 000		2 761 054 071			
07/12/2010	PT	2324	151CN	Cửa hàng 734 Cầu Niệm	Nộp tiền hàng	131	11 000 000		2 772 054 071			

Sổ chi tiết của một tài khoản - 1/320 Ngày Ct: //

Sơ đồ 2.27. giao diện sổ chi tiết TK 111- tiền mặt

SỔ CÁI

Tài khoản 111- Tiền mặt Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng

Số dư đầu	
Nợ	Có
3.048.535.201	

SỔ CÁI TK 111 – tiền mặt

Năm 2010

STT	Ghi có các TK đối ứng nợ với TK 111	Tháng 12
1	112	-
2	141	12.000.000
3	131	2.992.752.500
4	311	260.000.000
5	331	1.044.388
6	338	29.706.140
	Cộng phát sinh Nợ	3.295.503.028
	Tổng số phát sinh Có	4.429.572.752
	Số dư nợ cuối tháng	1.914.465.477
	Số dư có cuối tháng	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Sơ đồ 2.28. Sổ cái tiền mặt

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

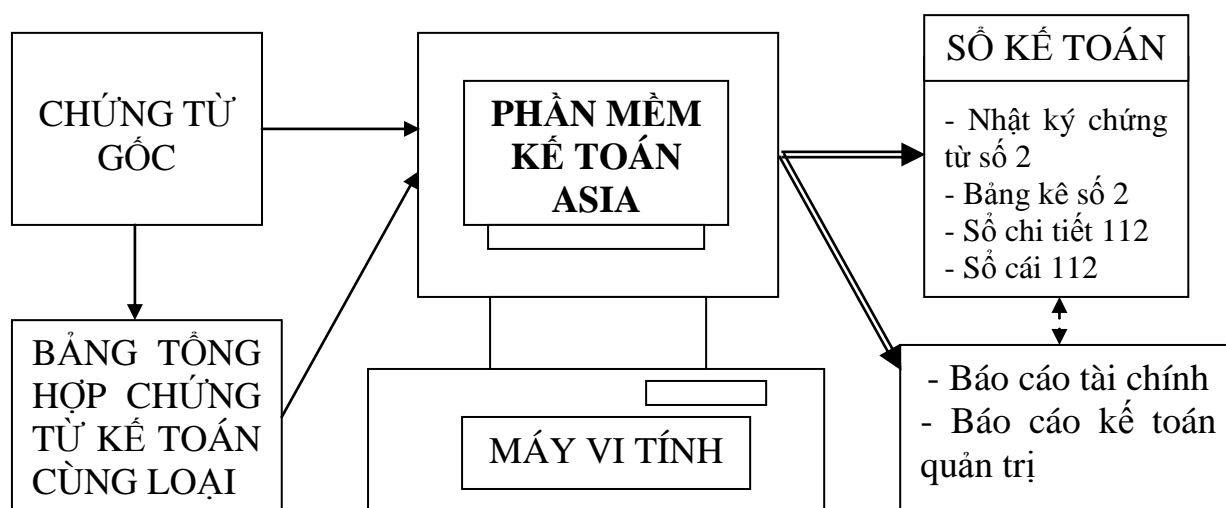
❖ *Chứng từ kế toán sử dụng:* Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng... các chứng từ khác: lệnh chi, ủy nhiệm thu, chi....

Sổ sách kế toán sử dụng: - Nhật Ký chứng từ số 2, bảng kê số 2, Sổ cái TK 112, Sổ chi tiết TK 112, Bảng tổng hợp chi tiết TK 112

❖ *Tài khoản sử dụng:* Công ty sử dụng TK 112 phản ánh về TGNH của công ty
- Các tài khoản cấp 2: + TK 1121 - Tiền VN gửi ngân hàng
+ TK 1122 - Ngoại tệ gửi ngân hàng

- Công ty mở tài khoản tại ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng Hải Phòng

Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng tại công ty:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →
Ghi cuối tháng ==>
Đối chiếu, kiểm tra <->

Sơ đồ 2.29. Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

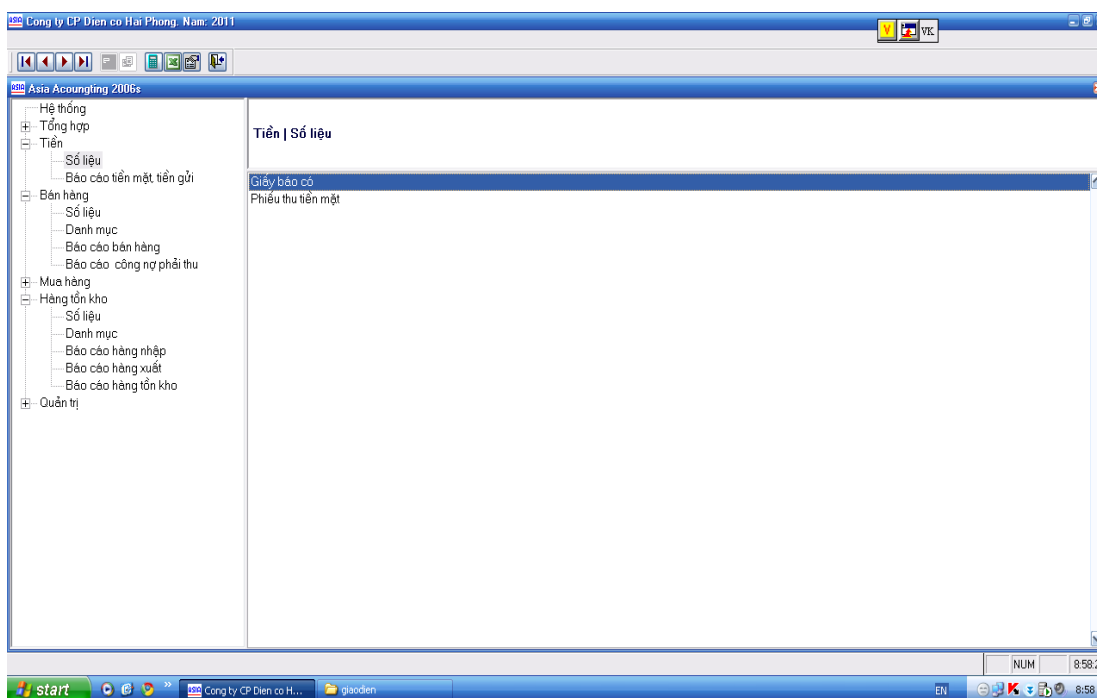
2.2.2.1. Kế toán tiền gửi ngân hàng tiền Việt Nam Đồng tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng

❖Kế toán tăng tiền gửi ngân hàng tiền Việt Nam Đồng tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Để hiểu rõ về nghiệp vụ tăng tiền gửi ngân hàng tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng ta nghiên cứu các ví dụ sau:

Ví dụ 1: Ngày 9/12/2010 công ty Hà Nội Ching Hai thanh toán tiền mua hàng bằng chuyển khoản mở tại ngân hàng VietinBank chi nhánh Hồng Bàng với số tiền là: 503.625.518 đồng .Công ty CP Điện cơ đã nhận được giấy báo có do ngân hàng gửi đến

Tại mà hình menu **Hệ thống** chọn phân hệ **tiền** vào mục **số liệu** chọn **giấy báo có**. Xuất hiện điều kiện lọc chọn thời gian **từ ngày/ tháng /năm đến /ngày/ tháng năm** nhấn nút **nhận**



Sơ đồ 2.30. Giao diện phân hệ tiền/số liệu

GIẤY BÁO CÓ



Chi nhánh: CN HỒNG BÀNG-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

GIẤY BÁO CÓ GIAO DỊCH LIÊN CHI NHÁNH

NH gửi lệnh: CN TIÊN SƠN – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

NH nhận lệnh: CN HỒNG BÀNG – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Số giao dịch: DD122037 673

Ngày giờ lập : 09/12/10 15:53:23

Loại sản phẩm : 11211 CA Branch Transfer

Tag 32A: Số tiền: 503.625.518 Loại tiền: VND

Số tiền bằng chữ : *Năm trăm linh ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm
mười tám đồng chẵn*

Tag 50: KH chuyển tiền: Công ty Ching Hai Hanoi

Số tài khoản: 102010000859002

Tag 52A: NH ra lệnh: CN TIÊN SƠN – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

Tag 57A: NH giữ TK: CN HỒNG BÀNG – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

Tag 59: CTY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HP

Số tài khoản: 102010000212980

Tag 70: Nội dung thanh toán: Khách hàng thanh toán tiền mua hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Sơ đồ 2.31. Giấy báo có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
734 Nguyễn Văn Linh, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng

Số:439
Tài khoản:11211
Tài khoản dư: 131

ỦY NHIỆM THU

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

Họ và tên người nộp tiền: Công ty Hà Nội Chinghai

Địa chỉ: KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Lý do nộp: trả tiền mua hàng

Số tiền: **503.625.518** đồng

Viết bằng chữ: *Năm trăm linh ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm mười tám đồng chẵn*

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Kế toán TT
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Năm trăm linh ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm mười tám đồng chẵn*

Sơ đồ 2.32. Ủy nhiệm thu số 439

NHTMCP Công Thương Việt Nam



Sao kê tài khoản chi tiết
Statement of Account

Từ ngày *From date:* 09/12/2010

Đến ngày *To date:* 09/12/2010

Tài khoản *Account No* 102010000212980

Tiền tệ **VND**

Tên tài khoản *Account Name:* **CTY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HP**

Ngày phát sinh Transaction Date	Số chứng từ Document No	Nội dung giao dịch Description	Doanh số phát sinh Transacted Amount	
			Nợ Debit	Có Credit
09/12/2010		Chuyển khoản vào CA/SA ***Cộng phát sinh***	503.625.518 503.625.518	

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Sơ đồ 2.33. Sao kê tài khoản

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chi nhánh: Hồng Bàng

Sổ phụ/ Statement

Tên khách hàng (*Customer name*):

Ngày in (*Print out date*): **09/12/2010**

Công ty CP Điện Cơ Hải Phòng

Loại tiền gửi (*DP kind*): VND

Địa chỉ (*Address*): 734 Nguyễn Văn Linh- Lê

Số tài khoản (*A/C No*): 102010000212980

Chân – Hải Phòng

Loại tiền (*Ccy*): VND

Tài khoản người sở hữu (*Joint A/C*):

Tình trạng tài khoản (*A/C status*) Active:

Số dư ngày trước (*Prior Statement*):

Số dư cuối ngày (*Ending balance*): 1.145.162.381

Số bút toán/ Doanh số nợ (*Less debit*): 1

Số bút toán/ Doanh số có (*Plus debit*):

Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
09/12/10	Công ty Ching Hai thanh toán tiền hàng	503.625.518		1.145.162.381	

Giao dịch viên

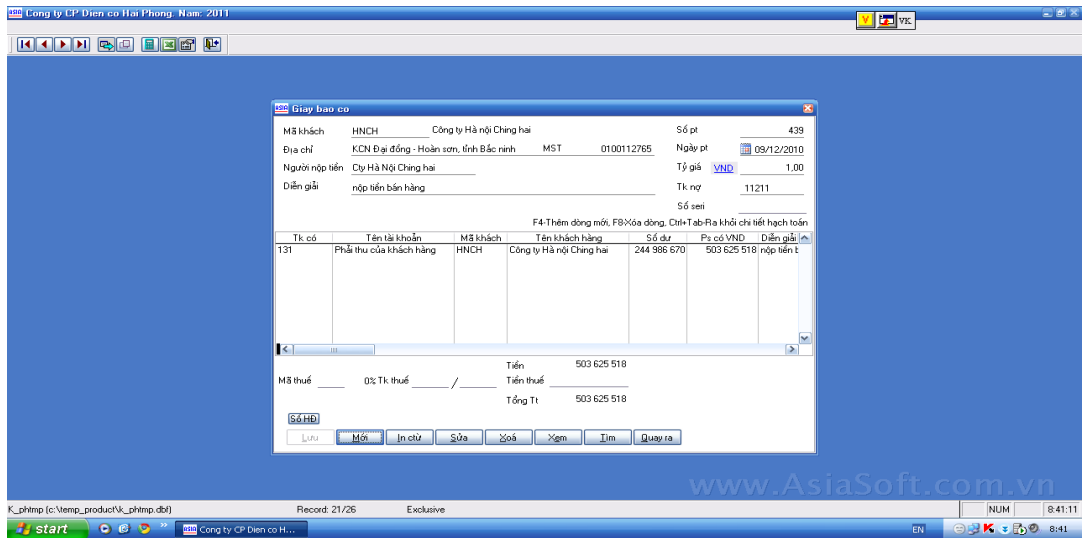
Kiểm soát viên

Sơ đồ 2.34. Sổ phụ ngân hàng

Trong mục **giấy báo có** xuất hiện điều kiện lọc. **Thời gian** chọn ngày **09/12/2010**

đến ngày **09/12/2010**. Nhấn **ok** xuất hiện các nghiệp vụ phát sinh ngày 09/12/2010.

Chọn số phiếu thu 439



Sơ đồ 2.35. Giao diện giấy báo có



Sơ đồ 2.36. Giao diện bảng kê số 2- tiền gửi ngân hàng

Đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ HP

734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

TRÍCH BẢNG KÊ SỐ 2
Ghi Nợ TK112 – Tiền gửi ngân hàng
Tháng 12 năm 2010

Số dư đầu tháng: 715.648.025

Ngày	Ghi Nợ TK 112 – Ghi Có các TK				Cộng Nợ TK 112
	111	131	331	515	
02/12		20.000.000			20.000.000
03/12		77.330.200			77.330.200
...
06/12	500.000.000				500.000.000
...					
9/12		503.625.518			503.625.518
....					
17/12		862.851.000	38.500.000		901.351.000
....					
30/12	800.000.000	68.670.000			868.670.000
31/12	280.000.000			5.978.642	285.978.642
Cộng	1.660.000.000	3.221.823.618	38.500.000	5.978.642	4.926.302.260

Số dư cuối tháng: 2.225.108.524

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán
Đã ký

Kế toán trưởng
Đã ký

Giám đốc
Đã ký

Sơ đồ 2.37. Trích bảng kê số 2

Đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

❖ Kế toán giảm tiền gửi ngân hàng tiền Việt Nam đồng tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng


Ví dụ : Ngày 03/12/2010 công ty thanh toán tiền mua máy hàn bấm 35KVA bằng chuyển khoản qua ngân hàng TMCP CT Việt Nam - chi nhánh Hồng Bàng theo HĐ số 6162 ngày 02/12/2010 với số tiền 66.000.000 đồng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy hàn bấm 35KVA	Chiếc	1	60.000.00	60.000.000
Cộng tiền hàng:					60.000.000
Thuế suất GTGT:10%.... Tiền thuế GTGT:					6.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					66.000.000
Số tiền viết bằng chữ: sáu mươi sáu triệu đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Sơ đồ 2.38. Hóa đơn giá trị gia tăng số 06162

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HỒNG BÀNG		Số/No:881																
LỆNH CHI PAYMENT ORDER Ngày/Date: 03/12/2010																		
Đơn vị trả tiền / Payer: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG																		
Tài khoản nợ / Debit A/C :	<table border="1"><tr><td>1</td><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>1</td><td>2</td><td>9</td><td>8</td><td>0</td></tr></table>			1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	1	2	9	8	0
1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	1	2	9	8	0				
Tại ngân hàng/ With Bank :	CÔNG THƯƠNG HỒNG BÀNG HẢI PHÒNG																	
	Số tiền bằng số/ Amount in figures 66.000.000																	
Số tiền bằng chữ / Amuont in words: sáu mươi sáu triệu đồng																		
Tên đơn vị nhận tiền / Payee: Cty TNHH TM SX & DV Minh Phong																		
Tài khoản có/credit/ AC:	<table border="1"><tr><td>1</td><td>0</td><td>9</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>2</td><td>4</td><td>4</td><td>7</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td><td></td></tr></table>			1	0	9	2	0	0	5	2	4	4	7	0	1	1	
1	0	9	2	0	0	5	2	4	4	7	0	1	1					
Tại ngân hàng/ With Bank: CHI	NHÁNH GPBANK HÀ NAM																	
Nội dung / Remarks: Trả tiền theo HĐ số 6162 ngày 2/12/2010																		
Ngày hạch toán/ Accounting date: 03/12/2010		Đơn vị trả tiền / Payer																
Giao dịch viên	Kiểm soát viên	Kế toán	Chủ tài khoản															
Teller	Supervisor	Accountant	A/c holder															

Sơ đồ 2.39. Lệnh chi tiền gửi ngân hàng

GIẤY BÁO NỢ	
	
Chi nhánh: CN HỒNG BÀNG-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN	
NH nhận lệnh: CN HÀ NAM – NH GPBANK	
Số giao dịch: DD121462	
Ngày giờ lập : 03/12/10	09:45:29
Loại sản phẩm : 11211	CA Branch Transfer
Tag 32A: Số tiền: 66.000.000 Loại tiền: VNĐ	
Số tiền bằng chữ : <i>sáu mươi sáu triệu đồng</i>	
Tag 50: KH chuyên tiền: Công ty Cổ Phần Điện Cơ HP	
Số tài khoản: 102010000212980	
Tag 52A: NH ra lệnh: CN HỒNG BÀNG – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN	
Tag 57A:NH giữ TK: : CHI NHÁNH GPBANK HÀ NAM	
Tag 59: Cty TNHH TM SX & DV Minh Phong	
Số tài khoản: 10920052447011	
Tag 70: Nội dung thanh toán: thanh toán tiền mua hàng	
Giao dịch viên	Kiểm soát viên

Sơ đồ 2.40. giấy báo nợ

NHTMCP Công Thương Việt Nam



Sao kê tài khoản chi tiết
Statement of Account

Từ ngày *From date:* 03/12/2010

Đến ngày *To date:* 03/12/2010

Tài khoản *Account No* 102010000212980

Tiền tệ **VND**

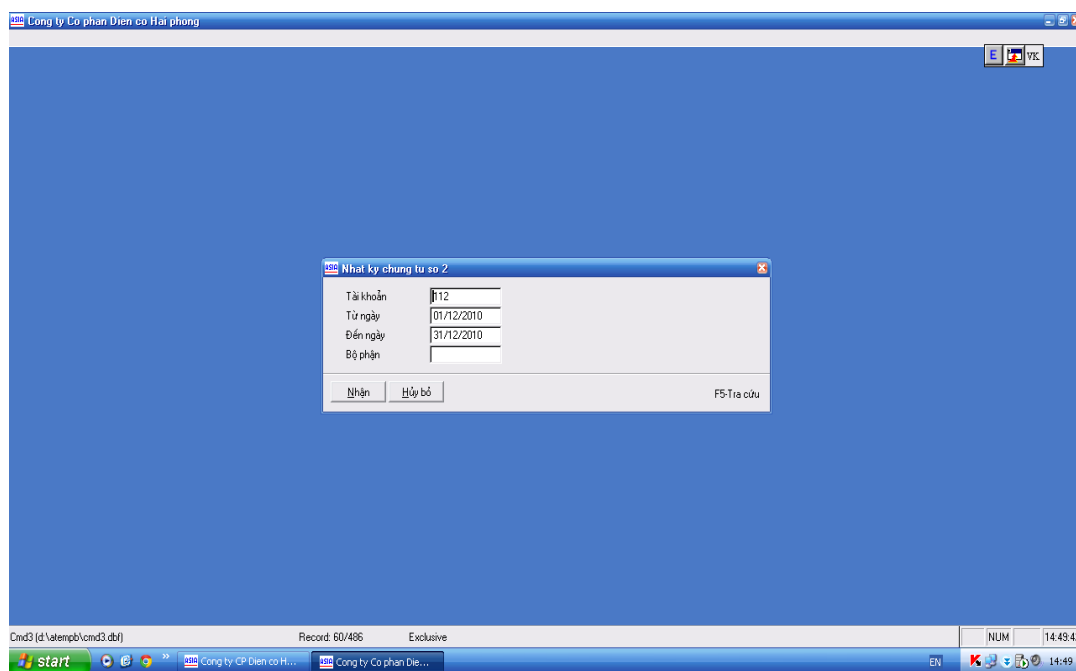
Tên tài khoản *Account Name:* **CT CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HP**

Ngày phát sinh Transaction Date	Số chứng từ Document No	Nội dung giao dịch Description	Doanh số phát sinh Transacted Amount	
			Nợ Debit	Có Credit
03/12/2010		CA TRANSFER DR ***Cộng phát sinh***		66.000.00066.000.000

Giao dịch viên **Kiểm soát viên**

Sơ đồ 2.41. Sao kê tài khoản chi tiết

Tại màn hình giao diện chính chọn **Tổng hợp/ Sổ sách** theo hình thức **NKCT/ NKCT số 2**.



Sơ đồ 2.41. Giao diện nhật ký chứng từ số 2

CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ HP
734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

TRÍCH NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Tháng 12 năm 2010

Ngày	Ghi Có TK 112 – Ghi Nợ các TK khác										Cộng Có TK 112
	133	311	315	331	333	338	353	627	635	642	
01/12									9.224.500		9.224.500
02/12	3.313.346								31.900.000	1.233.455	36.446.801
03/12	1.505.620			66.000.000						22.690.645	90.196.265
....
09/12	69.382			205.432.500					1.596.833	693.819	207.792.534
10/12							1.184.242				1.184.242
....										
20/12	66.650			183.518.500						666.498	184.251.648
.....	
28/12					34.113.495						34.113.495
29/12	15.243	81.302.892	130.000.000					178.078		75.000	211.571.213
30/12	1.500			15.503.400						15.000	15.519.900
31/12	120.538					86.644.711				1.205.377	87.970.626
Cộng	30.674.692	1.783.079.718	391.000.000	596.127.180	34.113.495	86.644.711	1.184.242	5.524.478	378.173.628	110.319.617	3.416.841.761

Sơ đồ 2.42. Trích nhật ký chứng từ số 2

Đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S07 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG THÁNG 12

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản : 1121 – Tiền Việt Nam

Số chứng từ			Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Tồn quỹ
Ngày	BN	BC			PS nợ	PS có	
			Tồn đầu kỳ				715.648.025
01/12/2010	867		Trả lãi vay tháng 11/2011	635		9.224.500	706.423.525
02/12/2010	868		Thu phí chuyển tiền	6429		1.233.455	705.190.070
.....							
03/13/2010	881		Nộp tiền mua máy hàn	331		66.000.000	665.780.459
.....							
09/12/2010		439	Nộp tiền bán hàng	131	503.625.518		1.145.162.381
.....
31/12/2010	896		Thu phí chuyển tiền	6429		1.170.377	2.219.285.420
			Số phát sinh		4.926.302.260	3.416.841.761	
			Dư cuối kỳ		2.225.108.524		

Ngày..tháng.....năm2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Tồn quỹ tháng trước chuyển sang : 715.648.025

Nhập quỹ trong tháng 12 : 4.926.302.260

Thực chi ra trong tháng 12 : 3.416.841.761

Tồn quỹ đến ngày 31/12/2010: 2.225.108.524

Sơ đồ 2.42. sổ tiền gửi ngân hàng – tiền VNĐ

SỔ CÁI

**Tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng
Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
715.648.025	

SỔ CÁI

TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
Năm 2010

STT	Ghi có các TK đối ứng nợ với TK 112	Tháng 12
1	111	1.660.000.000
2	131	3.221.823.618
3	338	-
4	3331	-
5	331	38.500.000
6	515	5.978.642
	Cộng phát sinh Nợ	4.926.302.260
	Tổng số phát sinh Có	3.416.841.761
	Số dư nợ cuối tháng	2.225.108.524
	Số dư có cuối tháng	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Sơ đồ 2.42. sổ cái TK 11

2.2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng – tiền Ngoại tệ

❖ Kế toán tăng tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng – tiền

Ngoại tệ: trong tháng 12 không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ làm tăng tiền gửi ngân hàng

❖ Kế toán giảm tiền gửi ngân hàng tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng – tiền

Ngoại tệ: trong tháng 12 không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ làm giảm tiền gửi ngân hàng

2.2.3 Kế toán tiền đang chuyển tại công ty CP Điện cơ Hải Phòng

Hiện nay công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng chưa đưa tài khoản 113 “Tiền đang chuyển” vào sử dụng để hạch toán. Vì vậy công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tiền đang chuyển

Chương 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty.

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng được thành lập từ năm 1961, sau 50 năm thành lập Công ty đã trải qua không ít khó khăn và thử thách. Để khẳng định chỗ đứng của mình trên thương trường Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã phải phấn đấu, nỗ lực rất lớn. Công ty không ngừng nâng cao trình độ quản lý, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các kế hoạch kinh doanh, các nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể. Chính sự nỗ lực liên tục không ngừng đó mà uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao, nhiều bạn hàng tín nhiệm, hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng, nhờ đó mà đời sống của cán bộ công nhân viên cũng được nâng cao.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động có tính linh hoạt cao nhất trên bảng Báo cáo tài chính. Nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của Công ty tại thời điểm. Ý thức được tầm quan trọng của Vốn bằng tiền và để đáp ứng nhu cầu thanh toán, thực hiện việc mua sắm, chi phí,... nhằm đảm bảo công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục, đem lại hiệu quả cao.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nề nếp. Đội ngũ cán bộ trẻ nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo, khoa học, có tính tương trợ nhau trong công việc đem lại hiệu quả cao. Hơn nữa với sự trợ giúp của máy tính, công tác kế toán của Công ty đã giảm bớt tính phức tạp và khối lượng công việc, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán đầy đủ kịp thời, nhanh chóng, chính xác phù hợp với các yêu cầu quản lý của Công ty.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng có những ưu nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm:

Công ty đã tạo được một mô hình quản lý và hạch toán khá khoa học, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, bộ máy quản lý hoạt động một cách khá nhịp nhàng, giúp cho Giám đốc Công ty điều hành một cách có hiệu quả.

Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán thường xuyên chú trọng đến công tác nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với bộ máy gọn nhẹ, sự phân nhiệm rõ ràng cho từng người đã tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán đã cung cấp số liệu cụ thể, chi tiết, chính xác và tổng hợp cho nhau một cách đầy đủ kịp thời nhằm thực hiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền.

Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Công ty đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, bên cạnh việc chấp hành các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành như:

- Mọi vấn đề biến động của vốn bằng tiền đều có đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ.

Để hạch toán vốn bằng tiền, Công ty đã phân chia công việc rõ ràng:

- Một kế toán chịu trách nhiệm kế toán “tiền mặt - tiền gửi ngân hàng”

- Một người là thủ quỹ

Việc thực hiện phân tách công việc kế toán của những người liên quan đến vốn bằng tiền giảm thiểu được thất thoát vốn bằng tiền. Hay nói cách khác là một khâu kiểm soát chặt chẽ vốn bằng tiền. Đặc biệt là giữa thủ quỹ với kế toán tiền mặt. Nếu không tách biệt hai kế toán này thì sẽ dễ xảy ra gian lận và sai sót. Trong đó:

- Kế toán vốn bằng tiền phụ trách kế toán tiền mặt, thực hiện quyết toán thuế với nhà nước, các giao dịch với ngân hàng, các vấn đề liên quan đến nhập khẩu hàng.

- Thủ quỹ quản lý việc thu, chi tiền mặt trong doanh nghiệp, kiểm kê báo cáo quỹ hàng ngày

Việc nhập xuất tiền mặt đều được dựa trên những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ, được kế toán trưởng soát xét, và Giám đốc công ty phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, nhận tiền, thủ quỹ,... Vì vậy không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo các khoản chi đều hợp lệ, và có mục đích rõ ràng.

Công ty đang sử dụng Kế toán máy theo hình thức Nhật Ký chứng từ, đây là hình thức đang được sử dụng rộng rãi tại các công ty có quy mô lớn. Khối lượng nghiệp vụ phát sinh khá nhiều, do đó với hình thức kế toán này sẽ hạn chế được khối lượng sổ sách công kênh, đồng thời thuận lợi cho việc áp dụng máy vi tính

vào công tác kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép, tạo cho công tác kế toán tổng hợp cuối cùng được nhanh chóng kịp thời và không bị ứ đọng.

3.1.2. Những hạn chế tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng:

Như vậy về cơ bản em thấy tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty đã đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty cũng như đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý nói chung. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán còn tồn tại những vướng mắc sau:

☞ Cuối tháng định kỳ công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp khó khăn. Như vậy ảnh hưởng tới việc mua bán chi tiêu bằng tiền mặt của công ty

☞ Công ty chưa làm tốt công tác thu hồi công nợ. Tính đến ngày 31/12/2010, căn cứ vào sổ chi tiết 131 nợ phải thu của công ty là 11.025.696.500VNĐ. Hiện tại công ty **chưa lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

☞ Hiện nay công ty không sử dụng tài khoản 113- tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện (trong nước hoặc ngoài nước) nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng. Thường thì doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng:

Như chúng ta đã biết: Đối với bất kỳ doanh nghiệp hoạt động sản xuất nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì vấn đề sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn mà mình bỏ ra ban

đầu và trong đó việc nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền doanh nghiệp cần phải phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế trên để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng, dưới sự hướng dẫn tận tình của các cô, các chị trong phòng kế toán, em đã được tìm hiểu tất cả các phần hành kế toán nói chung và phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Với mong muốn đóng góp một chút công sức nhỏ bé vào công việc hoàn thiện công tác vốn bằng tiền của Công ty, em mạnh dạn xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức vốn bằng tiền tại Công ty CP Điện Cơ Hải Phòng:

❖**Ý kiến thứ nhất:** Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ được tiến vào cuối tháng hoặc định kỳ :

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao, biên bản kiểm kê phải ghi số liệu chứng từ và thời điểm kiểm kê.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi tài khoản chênh lệch đều phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ, và khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu và phải báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét giải quyết.

Bảng kiểm kê quỹ phải được lập thành hai bản: một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt.

Ưu điểm: giúp cho các nhà quản lý nắm được số tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Sau đây là mẫu biên bản kiểm kê quỹ:

CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

Mẫu số:08a-TT

734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, HP

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính)

BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho Việt Nam Đồng)

Số:.....

Hôm nay, vào... giờ...ngày...tháng...năm...

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán

- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ

- Ông/Bà:.....đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả sau:

STT	Diễn giải	Số lượng(tờ)	Số tiền
A	B	C	D
I	Số dư theo sổ quỹ		
II	Số kiểm kê thực tế		
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại:		
3		
III	Chênh lệch (III=I – II)		

Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm quỹ.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(ký, họ tên)

Sơ đồ 3.1. Mẫu biên bản kiểm kê quỹ

❖ **Ý kiến thứ 2:** Hoàn thiện công tác lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty có khá nhiều khách hàng và chủ yếu là bán chịu vì vậy khoản phải thu khách hàng của Công ty là rất lớn. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi là cần thiết.

➤ **Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Có đủ căn cứ xác định là nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, ...

Những khoản nợ quá 3 năm trở nên coi như không có khả năng thu hồi nợ và được xử lý xóa nợ.

➤ **Phương pháp dự phòng**

Mức trích lập: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ **30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm**

+ **50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm**

+ **70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm**

+ **100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm**

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố... thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng: TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Kết cấu tài khoản

- **Bên Nợ**
 - Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi
 - Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi
- **Bên Có:** Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý Doanh nghiệp
- **Số dư bên Có**
 - Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ
 - Công ty phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc các khoản nợ quá hạn, Công ty tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ phải thu khó đòi đó là hợp lý, có thật.

Xử lý khoản dự phòng

- Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong hạch toán kế toán Công ty cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Căn cứ vào số dự phòng còn lại trên số dư của TK 139 so với số dự phòng cần trích lập cho năm tiếp theo

1. Khi các khoản nợ phải thu xác định khó đòi, Công ty phải trích lập dự phòng theo các quy định trên, nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì Công ty không phải trích lập

2. Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dự phòng phải thu khó đòi trích lập năm trước thì Công ty phải trích thêm vào chi phí quản lý Doanh nghiệp phần chênh lệch giữa số phải trích lập cho năm sau với số dư dự phòng đã trích lập cho năm trước. Bút toán ghi sổ:

Nợ TK 642: CP QLDN

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

3. Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dự phòng phải thu khó đòi trích lập năm trước thì Công ty phải hoàn nhập vào Thu nhập khác phần chênh lệch giữa số dư khoản dự phòng đã trích lập cho năm sau. Bút toán ghi sổ:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: CP QLDN (Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

4. Các khoản phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được phép xóa nợ, việc xóa nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành
Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích dự phòng)

Nợ TK 642: CP QLDN (Nếu chưa trích dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ

5. Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ TK 111, 112: Tiền mặt, TGNH

Có TK 711: Thu nhập khác

Căn cứ vào số liệu của sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng. Ta có thể lập bảng cân đối số phát sinh công nợ như sau:

CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2010

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Công nợ đến 31/12/2010	
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ
1	Anh Biên Kiến An		34.586.000
2	Cty Hà Nội ChingHai		76.820.956
3	Cty TNHH MTV Quang Điện - Điện Tử	217.340.436	
4	Cửa hàng Minh Thu - Thanh Hóa	28.374.820	
5	Cửa hàng Vạn Hoa	39.057.290	
6	Cửa hàng Duy Hiền	53.762.900	
7	Cửa hàng Thủy Khánh	96.500.409	
8	Cửa hàng Hòa Long	30.000.000	
9	Cửa hàng Cúc Mai	47.089.558	
10	Cửa hàng Dũng Hường	307.289.670	
11	Cửa hàng Thúy Sang - Thái Bình		42.277.188
...
37	Cty tư nhân SX XD Thái Nguyên	79.439.684	
38	Cty KOREA	543.728.000	
39	Cty CP TM H&H	91.403.410	
	Cộng	4.178.239.542	153.684.144

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Sơ đồ 3.2 Báo cáo tình hình công nợ

Theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản phải thu khó đòi phương pháp xác định mức dự phòng cần trích lập:

Thời hạn thanh toán quá hạn	Số tiền phải thu	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t < 1$ năm	405.244.255	30% giá trị nợ quá hạn
1 năm $\leq t < 2$ năm	662.224.974	50% giá trị nợ quá hạn
2 năm $\leq t < 3$ năm	30.000.000	70% giá trị nợ quá hạn
$t > 3$ năm	47.089.558	100% nợ quá hạn
Tổng	1.144.558.787	

Sơ đồ 3.3 phương pháp xác định mức trích lập dự phòng

Dựa trên Báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2010 và mức trích lập dự phòng theo thông tư 288/ 2009/ TT - BTC, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ cần trích lập	Mức dự phòng cần trích lập
Cty TNHH MTV Quang Điện – Điện Tử	217.340.436	10 tháng	0.3	65.202.131
Cửa hàng Thủy Khánh	96.500.409	9 tháng	0.3	28.950.123
Cty CP TM H&H	91.403.410	11 tháng	0.3	27.421.023
Cửa hàng Vạn Hoa	39.057.290	14 tháng	0.5	19.528.645
Cty KOREA	543.728.000	20 tháng	0.5	271.864.000
Cty TN SXXD Thúy Sang - TB	79.439.684	19 tháng	0.5	39.719.842
Cửa hàng Hòa Long	30.000.000	26 tháng	0.7	21.000.000
Cửa hàng Cúc Mai	47.089.558	37 tháng	1	47.089.558
Tổng	1.144.558.787			520.775.322

Sơ đồ 3.4 Số dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010

+ **Kế toán định khoản :**

Nợ 642: 520.775.322

Có 139: 520.775.322

- **Khoản nợ phải thu không thu hồi được:** : Đối với khoản tiền mà cửa hàng Duy Hiền (thua lỗ) còn nợ được xác định là không thể thu hồi và Cửa hàng Minh Thu (phá sản) được xác định là không có khả năng thanh toán, cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

+ Số tiền không thể thu hồi: $28.374.820 + 53.762.900 = 82.137.720$ (VND)

Kế toán định khoản như sau: Nợ TK 642: 82.137.720

Có TK 131: 82.137.720

Đồng thời ghi: Nợ TK 004: 82.137.720

❖**Ý kiến thứ 4:** Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113- “Tiền đang chuyển” vào hạch toán kế toán

Công ty nên đưa tài khoản này hạch toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền

KẾT LUẬN

Việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn. Khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng” đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

❖ Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

❖ Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2010. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại Công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán trong Công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo ThS.Hoà Thị Thanh Hương đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Bùi Thị Tuyết Mai

Danh mục tài liệu tham khảo

- 1- Giáo trình Kế toán Tài chính – TS Võ Văn Nhị, Th.S Trần Thị Duyên, Th.S Nguyễn Thị Ngọc Dung – NXB Thống kê.
- 2- 162 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp – Th.S Hà Thị Ngọc Hà, CN Vũ Đức Chính – NXB Thống kê.
- 3- Các sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ, các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát, điều lệ và tài liệu phân tích hoạt động kinh tế của Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng
- 4- Khoá luận tốt nghiệp của các khoá trước.
- 5- Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành – TS Võ Văn Nhị .
- 6- Hướng dẫn hạch toán kế toán báo cáo tài chính doanh nghiệp – TS Võ Văn Nhị.
- 7- Trang w.w.w.webketoan.com